



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 09 năm 2026

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 01/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/01/2026)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên Tổ Chức Phát Hành: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lọc Phát Việt Nam (LPBank)
2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 8, ngõ 1, đường Tôn Đức Thắng, phố 11, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
3. Điện thoại: (84 24) 62 668 668 Fax: (84 24) 62 669 669
Website: www.lpbank.com.vn
4. Vốn điều lệ: 29.872.821.000.000 VND
5. Mã cổ phiếu: LPB
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Sở Giao dịch
Số tài khoản: 120111 (Mã Citad: 01357001)
7. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6403000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/04/2008, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300048638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 30 ngày 29/12/2023
 - Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Hoạt động ngân hàng thương mại, hoạt động ngân hàng bán lẻ. Mã ngành: 64
 - Sản phẩm/dịch vụ chính:
 - Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm các hoạt động chính như huy động vốn, tín dụng, dịch vụ kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;
 - Hoạt động ngân hàng bán lẻ: tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng các nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ.
8. Giấy phép thành lập và hoạt động số 33/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 24/06/2026.

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

A. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU ĐÃ ĐƯỢC CẬP

Ngày 06/11/2025, Hội đồng Quản trị (HĐQT) LPBank đã thông qua Nghị quyết số 2693/2025/NQ-HĐQT phê duyệt Phương án phát hành, phương án sử dụng vốn và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán, Đăng ký và niêm yết Trái phiếu phát hành ra công chúng LPBank năm 2025.

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

Ngày 05/01/2026, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 01/GCN-UBCK ("**Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán**") cho LPBank.

Theo đó, phương án chào bán Trái phiếu đã được phê duyệt như sau:

1. **Tên Trái Phiếu:** Trái phiếu phát hành ra công chúng LPBank năm 2025 ("**Trái Phiếu**")
2. **Loại Trái Phiếu:** Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành
3. **Mệnh giá Trái Phiếu:** 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu
4. **Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán:** 50.000.000 (năm mươi triệu) Trái Phiếu. Cụ thể:

Đợt 1: 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu, bao gồm:

- **Trái Phiếu LPB7Y202501:** 9.000.000 (chín triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 07 (bảy) năm
- **Trái Phiếu LPB8Y202502:** 15.000.000 (mười lăm triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 08 (tám) năm
- **Trái Phiếu LPB10Y202503:** 1.000.000 (một triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 10 (mười) năm

Đợt 2: 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu, bao gồm:

- **Trái Phiếu LPB7Y202504:** 9.000.000 (chín triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 07 (bảy) năm
- **Trái Phiếu LPB8Y202505:** 15.000.000 (mười lăm triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 08 (tám) năm
- **Trái Phiếu LPB10Y202506:** 1.000.000 (một triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 10 (mười) năm

5. **Thời gian phân phối:**

- Đợt 1: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán có hiệu lực
- Đợt 2: Quý III - Quý IV năm 2026

6. **Lãi suất Trái Phiếu**

- a) **Đối với các Trái Phiếu LPB7Y202501 và Trái Phiếu LPB7Y202504:** lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,5%/năm (hai phẩy năm phần trăm một năm)

- b) **Đối với các Trái Phiếu LPB8Y202502 và Trái Phiếu LPB8Y202505:** lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,7%/năm (hai phẩy bảy phần trăm một năm)

- c) **Đối với các Trái Phiếu LPB10Y202503 và Trái Phiếu LPB10Y202506:** lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,9%/năm (hai phẩy chín phần trăm một năm)

Trong đó:

- "**Lãi Suất Tham Chiếu**" đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (Mười hai) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử (website) chính thức của Các Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất.

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

- “Ngân Hàng Tham Chiếu” bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.
- “Ngày Xác Định Lãi Suất” đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.

B. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU ĐỢT 2 CẬP NHẬT

Ngày 08/09/2026, HĐQT LPBank đã thông qua Nghị quyết số 1591/2026/NQ-BOD phê duyệt Phương án phát hành, Phương án triển khai chào bán và Phương án sử dụng vốn Trái phiếu phát hành ra công chúng LPBank năm 2025 Đợt 2;

Theo đó, phương án chào bán Trái phiếu đã được phê duyệt theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán đối với Đợt 2 được cập nhật như sau:

1. **Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán:** 39.834.115 (ba mươi chín triệu tám trăm ba mươi tư nghìn một trăm mười lăm) Trái Phiếu. Cụ thể:

Trái Phiếu chào bán	Số lượng Trái Phiếu kỳ hạn tương ứng chưa chào bán hết Đợt 1	Số lượng Trái Phiếu chào bán dự kiến Đợt 2 đã được phê duyệt	Tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán Đợt 2	Kỳ hạn tương ứng
LPB7Y202504	8.852.965	9.000.000	17.852.965	07 (bảy) năm
LPB8Y202505	4.982.150	15.000.000	19.982.150	08 (tám) năm
LPB10Y202506	999.000	1.000.000	1.999.000	10 (mười) năm
Tổng	14.834.115	25.000.000	39.834.115	

2. Thời gian phân phối:

Quý III/2026 - Quý IV/2026, sau khi nhận được văn bản thông báo về việc nhận được tài liệu báo cáo triển khai thực hiện chào bán Trái Phiếu ra công chúng Đợt 2 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Dự kiến tối thiểu 20 (hai mươi) ngày, tối đa 90 (chín mươi) ngày theo quy định của pháp luật (chưa tính trường hợp gia hạn thời gian phân phối theo quy định, nếu cần).

3. Lãi suất Trái Phiếu

- Đối với Trái Phiếu LPB7Y202504: lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:
Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 3,78%/năm (Ba phẩy bảy mươi tám phần trăm một năm)
- Đối với Trái Phiếu LPB8Y202505: lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:
Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 3,85%/năm (Ba phẩy tám mươi lăm phần trăm một năm)
- Đối với Trái Phiếu LPB10Y202506: lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:
Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 3,90%/năm (Ba phẩy chín mươi phần trăm một năm)

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

Trong đó:

- “**Lãi Suất Tham Chiếu**” đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (Mười hai) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử (website) chính thức của Các Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất.
- “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.
- “**Ngày Xác Định Lãi Suất**” đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.

III. KẾT QUẢ CHÀO BÁN ĐỢT 1

- Số lượng Trái Phiếu đã phát hành: 10.165.885 (mười triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi lăm) Trái Phiếu, trong đó:

Đơn vị tính: Trái Phiếu

STT	Mã Trái Phiếu chào bán	Số lượng Trái Phiếu chào bán	Số lượng Trái Phiếu đã phát hành	Số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết
1	Trái Phiếu LPB7Y202501	9.000.000	147.035	8.852.965
2	Trái Phiếu LPB8Y202502	15.000.000	10.017.850	4.982.150
3	Trái Phiếu LPB10Y202503	1.000.000	1.000	999.000
Tổng cộng		25.000.000	10.165.885	14.834.115

- Ngày kết thúc đợt chào bán: 30/03/2026

IV. NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI TRONG BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG LPBANK NĂM 2025 NGÀY 29/12/2025 THEO GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG SỐ 01/GCN-UBCK NGÀY 05/01/2026 (“Bản Cáo Bạch”)

A. Thông tin về tài chính:

1. Cập nhật Thông tin về chứng khoán đang lưu hành tại Bản Cáo Bạch

1.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 2: Cơ cấu sở hữu cổ phiếu phổ thông của LPBank tại ngày 31/07/2026

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trong nước	24.395	2.950.945.555	98,78
a	Cá nhân trong nước	24.312	2.698.276.174	90,33

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

b	Tổ chức trong nước	83	252.669.381	8,46
2	Nước ngoài	239	36.336.545	1,22
a	Cá nhân nước ngoài	181	571.391	0,02
b	Tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	58	35.765.154	1,20
	Tổng cộng	24.634	2.987.282.100	100,00

Nguồn: Danh sách cổ đông của LPBank chốt tại ngày 31/07/2026 do VSDC cấp

1.2. Cổ phiếu ưu đãi

- Ngân hàng không có cổ phiếu ưu đãi

1.3. Các loại chứng khoán khác

- **Trái phiếu phát hành ra công chúng**

- Khối lượng trái phiếu phát hành ra công chúng đang lưu hành tại thời điểm 28/08/2026: 5.629.833.100.000 VND
- Đặc điểm: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

- **Trái phiếu phát hành riêng lẻ**

- Khối lượng trái phiếu phát hành riêng lẻ đang lưu hành tại thời điểm 28/08/2026: 28.470.000.000.000 VND
- Đặc điểm:
 - 3.100.000.000.000 VND là trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản bảo đảm và không kèm chứng quyền
 - 17.610.000.000.000 VND là trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
 - 7.760.000.000.000 VND là trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

Bảng 3: Bảng chi tiết các loại trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm 28/08/2026

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
I	Năm 2019					
Trái phiếu riêng lẻ						
1	LPB10Y192901	19/07/2019	3.100.000.000.000	Cố định	10	Trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản bảo đảm và không kèm chứng quyền

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
II Năm 2021						
Trái phiếu ra công chúng						
1	LPB10Y202102	30/12/2021	173.100.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
III Năm 2022						
Trái phiếu ra công chúng						
1	LPB10Y202104	28/02/2022	93.169.600.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	LPB10Y202202	30/12/2022	101.230.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
IV Năm 2023						
Trái phiếu riêng lẻ						
1	LPBL2326008	28/12/2023	2.000.000.000.000	Thả nổi	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
2	LPBL2326009	29/12/2023	1.000.000.000.000	Thả nổi	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
Trái phiếu ra công chúng						
1	LPB10Y202204	30/06/2023	237.042.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
2	LPB10Y202206	15/09/2023	8.703.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
V	Năm 2024					
Trái phiếu riêng lẻ						
1	LPBL2431002	13/09/2024	420.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	LPBL2431003	24/09/2024	1.000.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	LPBL2431004	30/09/2024	160.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	LPBL2431005	02/10/2024	330.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
5	LPBL2431007	28/10/2024	100.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	LPBL2431008	13/11/2024	200.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
VI Năm 2025						
Trái phiếu riêng lẻ						
1	LPB12506	10/09/2025	1.500.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
2	LPB12507	15/09/2025	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
3	LPB12508	29/09/2025	200.000.000.000	Thả nổi	08	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	LPB12509	13/10/2025	350.000.000.000	Thả nổi	08	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
5	LPB12510	20/10/2025	300.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	LPB12511	28/10/2025	2.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
7	LPB12512	29/10/2025	2.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
8	LPB12513	30/10/2025	200.000.000.000	Thả nổi	08	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
9	LPB12514	27/11/2025	1.500.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm,

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
						không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
10	LPB12515	29/12/2025	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
Trái phiếu ra công chúng						
1	LPB7Y202401	05/03/2025	2.900.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	LPB10Y202402	05/03/2025	100.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	LPB7Y202403	13/10/2025	900.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	LPB10Y202404	13/10/2025	100.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
VII	Năm 2026					
Trái phiếu riêng lẻ						
1	LPB12601	22/05/2026	10.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
2	LPB12603	03/06/2026	10.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
3	LPB12604	09/06/2026	100.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
4	LPB12605	15/06/2026	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
5	LPB12602	19/06/2026	2.990.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	LPB12606	22/06/2026	1.000.000.000.000	Cố định	02	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
7	LPB12607	24/06/2026	2.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
8	LPB12608	30/06/2026	3.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
Trái phiếu ra công chúng						
1	LPB7Y202501	30/03/2026	14.703.500.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	LPB8Y202502	30/03/2026	1.001.785.000.000	Thả nổi	08	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	LPB10Y202503	30/03/2026	100.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm,

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
						không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
Tổng			34.099.833.100.000			

*Nguồn: LPBank***2. Cập nhật Đặc điểm hoạt động kinh doanh tại Bản Cáo Bạch****2.1. Loại sản phẩm dịch vụ****a) Sản phẩm tín dụng***Sản phẩm cho vay cán bộ hưu trí:*

Hướng tới khách hàng là các cán bộ hưu trí, LPBank đã xây dựng và triển khai một sản phẩm tín dụng đặc thù, khác biệt, duy nhất trên thị trường với rủi ro thấp, hiệu quả cao: cho vay hưu trí với xuất phát điểm từ việc LPBank phối hợp cùng với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam chi trả bảo hiểm xã hội cho các cán bộ hưu trí thông qua hệ thống Chi nhánh/ Phòng giao dịch (bao gồm cả các PGDBĐ). Tận dụng ưu thế mạng lưới các Chi nhánh/ Phòng giao dịch trải rộng khắp toàn quốc, LPBank đã triển khai sản phẩm cho vay đối với cán bộ hưu trí tại toàn bộ các tỉnh, thành trên cả nước.

Sản phẩm cho vay phát triển nông nghiệp:

Trên cơ sở phát triển nông nghiệp vẫn là định hướng chung của toàn xã hội, với lợi thế về mạng lưới rộng khắp cả nước, LPBank là một trong những ngân hàng đi đầu trong lĩnh vực cho vay nông nghiệp, nông thôn với sản phẩm Cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn dành riêng cho nhóm đối tượng khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp cư trú trên địa bàn nông thôn hoặc có hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. Với mức cho vay lên đến 80% tổng nhu cầu vốn, thời hạn vay linh hoạt theo chu kỳ sản xuất kinh doanh và thời gian thu hồi vốn của khách hàng, sản phẩm đáp ứng đa dạng nhu cầu, khả năng và đối tượng khách hàng trên các địa bàn và ngành nghề sản xuất khác nhau. Đây là một trong những sản phẩm mũi nhọn đã và đang triển khai rất tốt của LPBank trong các năm vừa qua với các ngành nghề đa dạng như trồng trọt, chăn nuôi, làng nghề, sản xuất kinh doanh, buôn bán nhỏ lẻ. LPBank duy trì thường xuyên chính sách ưu đãi lãi suất cho vay đối với các khách hàng vay vốn trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn.

Sản phẩm cho vay khách hàng cá nhân thông qua tổ liên kết:

Sản phẩm hỗ trợ nhu cầu vốn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh và các nhu cầu phục vụ đời sống hợp pháp của khách hàng và gia đình khách hàng. Việc triển khai đồng bộ từ Hội sở Ngân hàng Lọc Phát Việt Nam đến các ĐVKD thông qua việc hợp tác với Hội nông dân, Hội phụ nữ các cấp giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận nguồn vốn vay. Các tiêu chí, tính năng được thiết kế linh hoạt phù hợp với kế hoạch trả nợ của Khách hàng.

Nhóm sản phẩm cho vay mua nhà đất:


Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

Đây là nhóm sản phẩm đáp ứng nhu cầu tài chính phục vụ mục đích mua nhà, đất cho các KHCN.

Sản phẩm cho vay khách hàng doanh nghiệp:

Đối với mảng KHDN, LPBank triển khai đa dạng các dịch vụ đối với phân khúc KHDN bao gồm các dịch vụ tài khoản, các dịch vụ thu hộ, chi hộ, dịch vụ tiền gửi, tiền vay, phát hành bảo lãnh và các dịch vụ thanh toán quốc tế, mua bán ngoại tệ. Các đối tượng KHDN mà LPBank hướng tới: các KHDN hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, các KHDN hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp, các KHDN hoạt động trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, cho vay lĩnh vực xây lắp, cho vay ô tô siêu nhanh dành cho KHDN, thẻ tín dụng. LPBank đã có một số sản phẩm dành cho KHDN có hoạt động xuất nhập khẩu mang tính cạnh tranh trên thị trường như cho vay theo L/C xuất, cho vay theo hợp đồng xuất, đặc biệt sản phẩm mới mang tính cạnh tranh như Gói Sản phẩm tài trợ dành cho KHDN.

b) Ngân hàng số LPBank Plus

Trước sự phát triển không ngừng của công nghệ mới, dữ liệu và ứng dụng AI, đồng thời giữ lập trường kiên định với chiến lược chuyển đổi số toàn diện và bền vững, hướng tới khách hàng, tháng 3/2026, LPBank đã chính thức ra mắt ứng dụng ngân hàng số LPBank Plus.

Ứng dụng mới của LPBank mang đến trải nghiệm giao dịch số tối giản, an toàn và thông minh cho khách hàng, thể hiện cam kết mạnh mẽ của LPBank trong việc làm chủ công nghệ, làm chủ dữ liệu, tiên phong ứng dụng trí tuệ nhân tạo thông qua dịch vụ chuyển tiền LPPay (ChatPay) hướng tới dịch vụ Ngân hàng số của tương lai.

Bên cạnh các dịch vụ ngân hàng số truyền thống, ứng dụng LPBank Plus còn đáp ứng các nhu cầu về đầu tư sinh lời, bảo hiểm, quản lý tài chính và các dịch vụ thanh toán trong đời sống của khách hàng, giúp Khách hàng an tâm giao dịch mọi dịch vụ trên một ứng dụng duy nhất.

Đặc biệt, từ tháng 4/2026, LPBank tiếp tục ra mắt LocPhatShop - giải pháp số dành cho Hộ kinh doanh, tiểu thương, tích hợp thanh toán QR và Loa Lộc Phát, hỗ trợ quản lý giao dịch, dòng tiền và doanh thu hiệu quả hơn cho các Khách hàng, hướng tới thúc đẩy nền kinh tế số phi tiền mặt.

Tính đến thời điểm hiện tại, Ngân hàng Số LPBank Plus đã thu hút hơn 5 triệu người dùng. Trong 06 tháng đầu năm 2026, tổng số lượng giao dịch thực hiện qua ứng dụng đạt 109 triệu giao dịch, tăng 194% so với cùng kỳ năm 2025, với tổng doanh số giao dịch đạt hơn 554.000 tỷ VND.

Việc liên tục cải tiến sản phẩm dịch vụ và ứng dụng công nghệ mới đã góp phần nâng cao chất lượng trải nghiệm dịch vụ ngân hàng số LPBank, hướng tới xây dựng hệ sinh thái giao dịch thông minh, an toàn và liền mạch, đồng hành cùng định hướng chuyển đổi số ngành ngân hàng theo chủ trương của NHNN.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của LPBank theo sản phẩm dịch vụ

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	34.137	83,77	39.292	83,83	22.752	82,20
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.594	8,82	3.511	7,49	2.748	9,93
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.654	4,06	1.240	2,65	1.639	5,92
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	43	0,11	27	0,06	8	0,03
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	0	0,00	553	1,18	177	0,64
6	Thu nhập từ hoạt động khác	1.246	3,06	2.138	4,56	322	1,16
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	75	0,18	112	0,24	33	0,12
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	40.749	100,00	46.873	100,00	27.679	100,00

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của LPBank

Bảng 5: Cơ cấu thu nhập thuần của LPBank theo sản phẩm dịch vụ

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		06 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi thuần	15.393	77,23	16.034	73,27	7.767	69,27
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.211	16,11	3.199	14,62	2.582	23,03
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	273	1,37	348	1,59	457	4,08
4	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	43	0,22	27	0,12	8	0,07

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

5	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-1	-0,01	111	0,51	87	0,78
6	Lãi thuần từ hoạt động khác	938	4,71	2.051	9,37	278	2,48
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	75	0,38	111	0,51	33	0,29
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	19.932	100,00	21.881	100,00	11.212	100,00

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của LPBank

2.2. Hoạt động huy động vốn

Ngân hàng đang tập trung khai thác thị trường nội địa, nguồn vốn huy động hiện tại của LPBank phần lớn từ thị trường trong nước.

a) Nguồn vốn huy động

Hoạt động huy động vốn là một trong những hoạt động chủ đạo trong quá trình vận hành kinh doanh của LPBank. Với lợi thế về mạng lưới rộng lớn cùng với sự tin tưởng từ khách hàng, việc huy động vốn thông qua các kênh huy động, đặc biệt là qua kênh PGDBĐ đã đạt được những thành tựu nhất định. Nguồn vốn huy động của LPBank bao gồm:

- o Tiền gửi và vay NHNN
- o Tiền gửi và vay các TCTD khác
- o Tiền gửi của khách hàng
- o Phát hành giấy tờ có giá
- o Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro

Bảng 6: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động*Đơn vị: tỷ Đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	30/06/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	1.271	0,28	17.704	3,24	1.292,92	16.750	2,98
Tiền gửi và vay các TCTD khác	115.349	25,34	127.848	23,36	10,84	112.149	19,98
Tiền gửi của khách hàng	283.172	62,20	337.583	61,69	19,21	353.513	62,97
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	0,00	0	0,00	0,00	0	0,00
Phát hành Giấy tờ có giá	55.459	12,18	64.097	11,71	15,58	78.968	14,07



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

Chi tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	30/06/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng cộng	455.251	100,00	547.232	100,00	20,20	561.380	100,00

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của LPBank

Tổng số dư huy động vốn tại ngày 31/12/2025 của LPBank đạt 547.232 tỷ VND, tăng 20,20% so với cuối năm 2024, trong đó:

- o Nguồn vốn huy động từ Tiền gửi của khách hàng và Phát hành Giấy tờ có giá chiếm 73,40% tổng nguồn vốn huy động. Nguồn vốn huy động từ Tiền gửi của khách hàng và Phát hành Giấy tờ có giá chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn huy động là do tính chất tương đối ổn định và lãi suất huy động cạnh tranh, là yếu tố quan trọng để Ngân hàng đẩy mạnh hoạt động cho vay. Tính đến 31/12/2025, Tiền gửi của khách hàng đạt 337.583 tỷ VND, tăng 19,21% so với cuối năm 2024 nhờ LPBank thực hiện chiến lược phát triển phân khúc bán lẻ và gia tăng hiệu quả trong hoạt động huy động tiền gửi.
- o Huy động vốn từ Tiền gửi và vay các TCTD khác đạt 127.848 tỷ VND, chiếm 23,36% tổng nguồn vốn huy động và tăng 10,84% so với năm 2024. Nguyên nhân tăng chủ yếu là do LPBank đã thúc đẩy bổ sung nguồn vốn huy động từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm Tiền gửi và vay các TCTD khác để đáp ứng nhu cầu thanh khoản ngắn hạn trong giai đoạn cuối năm 2025.

Kết thúc 06 tháng đầu năm 2026, tổng huy động của Ngân hàng đạt 561.380 tỷ VND, tăng 2,59% so với cuối năm 2025.

b) Về huy động từ phát hành Giấy tờ có giá:

Đối với hoạt động phát hành Giấy tờ có giá, trong năm 2025, LPBank đã phát hành thành công 14.550 tỷ VND mệnh giá Trái phiếu riêng lẻ và 4.000 tỷ VND mệnh giá Trái phiếu ra công chúng Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam trên thị trường. Thành công trong việc phát hành trái phiếu riêng lẻ và Trái phiếu ra công chúng không chỉ làm tăng quy mô vốn hoạt động, vốn tự có, cải thiện hệ số an toàn vốn (CAR) mà còn giúp LPBank đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng và là thước đo uy tín, vị thế, thương hiệu của Ngân hàng trên thị trường. Tính đến ngày 31/12/2025, tổng số dư Giấy tờ có giá phát hành đạt 64.097 tỷ VND, tăng 15,58% so với năm 2024.

Tính đến hết 30/06/2026, huy động từ phát hành Giấy tờ có giá đạt mức 78.968 tỷ VND, tăng 23,20% so với cuối năm 2025.

c) Huy động từ tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, chiếm trung bình khoảng 62% tổng nguồn vốn huy động của LPBank trong giai đoạn 2024 - 2025. Huy động từ



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

tiền gửi khách hàng ổn định góp phần đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động tín dụng và các hoạt động đầu tư.

Bảng 7: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng

STT	Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
	Tổng tiền gửi của khách hàng	283.172	100,00	337.583	100,00	353.513	100,00
1	Phân theo khách hàng (%)						
-	Cá nhân	203.367	71,82	247.658	73,36	283.149	80,10
-	Tổ chức	79.805	28,18	89.926	26,64	70.364	19,90
2	Phân theo kỳ hạn (%)						
-	Tiền gửi không kỳ hạn	27.722	9,79	28.541	8,45	22.293	6,31
-	Tiền gửi có kỳ hạn	255.345	90,17	308.853	91,49	330.991	93,63
-	Tiền gửi vốn chuyên dụng	1	0,00	2,8	0,00	1	0,00
-	Tiền gửi ký quỹ	103	0,04	187	0,06	228	0,06
3	Phân theo loại tiền (%)						
-	VND	282.165	99,64	335.898	99,50	351.837	99,53
-	Ngoại tệ	1.007	0,36	1.685	0,50	1.676	0,47

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của LPBank

Về cơ cấu tiền gửi theo khách hàng, tiền gửi của khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng (chiếm 71,82% tại thời điểm 31/12/2024, 73,36% tại thời điểm 31/12/2025 và 80,10% tại thời điểm 30/06/2026). Điều này thể hiện đúng định hướng phát triển bán lẻ của LPBank trong những năm qua.

Về cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn của LPBank chiếm tỷ trọng lớn nhất, khoảng 90,17% tổng huy động từ tiền gửi của khách hàng tại thời điểm 31/12/2024, đảm bảo tính ổn định cho nguồn vốn của toàn hệ thống. Trong khi đó, tiền gửi không kỳ hạn (CASA) chiếm 9,79% tổng tiền gửi của khách hàng tại thời điểm 31/12/2024. Tại thời điểm 31/12/2025, tiền gửi không kỳ hạn của LPBank đã giảm xuống mức 8,45% trong khi tiền gửi có kỳ hạn đã tăng lên mức 91,49% tổng tiền gửi của khách hàng. Tại 30/06/2026, tiền gửi không kỳ hạn của LPBank ở mức 6,31% và tiền gửi có kỳ hạn chiếm 93,63% tổng tiền gửi của khách hàng, tiếp tục phản ánh cơ cấu nguồn vốn ổn định.



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

Về cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ, tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều so với tiền gửi ngoại tệ. Tại 31/12/2025, tổng số dư tiền gửi nội tệ đạt 335.898 tỷ VND, tăng 19,04% so với năm 2024 và chiếm 99,50% tổng số dư tiền gửi của khách hàng. Kết thúc ngày 30/06/2026, tổng số dư tiền gửi nội tệ đạt 351.837 tỷ VND, tăng 4,75% so với 31/12/2025 và chiếm 99,53% tổng số dư tiền gửi của khách hàng.

2.3. Hoạt động tín dụng

a) Quy mô, cơ cấu và tốc độ tăng trưởng tín dụng

Tốc độ tăng trưởng tín dụng của LPBank tăng đều qua các năm, trong đó năm 2025 đạt 18,14% và 06 tháng đầu năm 2026 đạt 9,63%. Tốc độ tăng trưởng tín dụng của LPBank luôn đảm bảo tuân thủ theo các quy định của NHNN.

Bảng 8: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	30/06/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nợ ngắn hạn	163.195	49,21	196.378	50,13	20,33	228.120	53,12
2	Nợ trung hạn	120.168	36,24	129.122	32,96	7,45	130.210	30,32
3	Nợ dài hạn	48.243	14,55	66.246	16,91	37,32	71.135	16,56
	Tổng	331.606	100,00	391.746	100,00	18,14	429.465	100,00

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của LPBank

Xét về kỳ hạn các khoản vay:

LPBank đang thực hiện chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng tích cực. Tại ngày 31/12/2025, dư nợ ngắn hạn đạt 196.378 tỷ VND, tương ứng tỷ trọng 50,13% trên tổng dư nợ cho vay khách hàng và tăng 20,33% so với cuối năm 2024. Trong khi đó, dư nợ cho vay trung hạn của LPBank tại ngày 31/12/2025 đạt 129.122 tỷ VND, chiếm tỷ trọng 32,96% và tăng 7,45% so với cuối năm 2024. Dư nợ cho vay khách hàng dài hạn tại 31/12/2025 là 66.246 tỷ VND, chiếm tỷ trọng 16,91% và tăng 37,32% so với năm 2024. Với định hướng cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn như trên, LPBank đã đảm bảo khả năng thanh khoản và sự cân đối giữa nguồn vốn huy động với các hoạt động cho vay của ngân hàng.

Tại ngày 30/06/2026, dư nợ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn lần lượt đạt 228.120 tỷ VND, 130.210 tỷ VND và 71.135 tỷ VND, tương đương tỷ trọng lần lượt là 53,12%, 30,32% và 16,56% trong tổng dư nợ cho vay khách hàng.

Xét về đối tượng khách hàng:

LPBank tập trung phát triển nền khách hàng bền vững, có chất lượng. Trong đó, phù hợp với định hướng bán lẻ, LPBank tập trung tăng trưởng tín dụng bán lẻ tại các khu vực nông nghiệp nông thôn.

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

Với mục tiêu phát triển bền vững, LPBank xác định tăng trưởng tín dụng phải gắn với nhiệm vụ huy động vốn đồng thời phát triển dịch vụ cũng như kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và đảm bảo các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của NHNN.

Bảng 9: Dư nợ cho vay khách hàng theo ngành nghề kinh tế*Đơn vị: tỷ Đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	26.523	8,00	28.400	7,25	27.237	6,34
2	Khai khoáng	109	0,03	246	0,06	109	0,03
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	30.164	9,10	31.888	8,14	32.063	7,47
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	13.458	4,06	6.626	1,69	14.755	3,44
5	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	210	0,06	75	0,02	58	0,01
6	Xây dựng	31.582	9,52	43.778	11,18	51.590	12,01
7	Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa mô tô, ô tô, xe máy và xe có động cơ khác	98.963	29,84	128.100	32,70	150.301	35,00
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	30.837	9,30	31.184	7,96	29.011	6,76
9	Vận tải kho bãi	4.276	1,29	5.262	1,34	5.728	1,33
10	Thông tin và truyền thông	7.496	2,26	6.466	1,65	6.337	1,48
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	653	0,20	943	0,24	2.834	0,66
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	10.137	3,06	15.095	3,85	15.373	3,58
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	184	0,06	120	0,03	147	0,03
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	467	0,14	259	0,07	161	0,04

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
15	Giáo dục và đào tạo	39	0,01	30	0,01	26	0,01
16	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	186	0,06	92	0,02	50	0,01
17	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	20.110	6,06	16.285	4,16	19.131	4,45
18	Hoạt động dịch vụ khác	698	0,21	353	0,09	282	0,07
19	Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	55.515	16,74	76.545	19,54	74.271	17,29
Tổng		331.606	100,00	391.746	100,00	429.465	100,00

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của LPBank

b) Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng của LPBank. Tại thời điểm 31/12/2025, số dư bảo lãnh của LPBank đạt 15.382 tỷ VND, tăng 392% so với cuối năm 2024. Số dư bảo lãnh của LPBank tại thời điểm 30/06/2026 đạt 15.935 tỷ VND, tăng 3,60% so với cuối năm 2025.

c) Chất lượng nợ cho vay

Về phân loại dư nợ tín dụng, LPBank chú trọng công tác kiểm soát chất lượng nợ cho vay. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tăng trưởng bền vững của LPBank. Tại thời điểm 31/12/2025, tỷ lệ nợ xấu của LPBank vẫn được duy trì ở mức an toàn là 1,68%. Đến ngày 30/06/2026, tỷ lệ nợ xấu của LPBank tiếp tục được kiểm soát ở mức là 1,85%.

Bảng 10: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	30/06/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	323.148	97,45	381.311	97,34	18,00	416.146	96,90

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	30/06/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ cần chú ý	3.259	0,98	3.837	0,98	17,74	5.356	1,25
Nợ dưới tiêu chuẩn	855	0,26	953	0,24	11,46	1.530	0,36
Nợ nghi ngờ	1.921	0,58	1.390	0,35	-27,64	2.066	0,48
Nợ có khả năng mất vốn	2.422	0,73	4.255	1,09	75,68	4.366	1,02
Tổng cộng	331.606	100,00	391.746	100,00	18,14	429.465	100,00
Nợ xấu	5.198	1,57	6.598	1,68	26,93	7.962	1,85

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của LPBank

Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo công tác kiểm soát và xử lý nợ xấu, việc trích lập dự phòng rủi ro các khoản vay của khách hàng, công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng được LPBank nghiêm túc thực hiện theo các quy định hiện hành, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) của Ngân hàng luôn đảm bảo hiệu quả phòng ngừa cho rủi ro tiềm tàng. Việc theo dõi, thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đã hỗ trợ hữu ích cho Ngân hàng trong quản lý, giảm thiểu nợ xấu và tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Bảng 11: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2024	1.873	2.456	4.330
31/12/2025	1.973	2.906	4.879
30/06/2026	2.128	3.188	5.316

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của LPBank

d) Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) của LPBank tại thời điểm 31/12/2025 là 11,87%, so với mức 13,33% vào cuối năm 2024. Tỷ lệ này qua các năm đều đáp ứng các quy định hiện hành của NHNN. Ngày 22/12/2022, LPBank đã hoàn thành triển khai Basel III.

Bảng 12: Tỷ lệ an toàn vốn

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm	30/06/2026
Vốn tự có	52.216	55.956	7,16%	57.665
Vốn cấp 1	43.338	47.192	8,89%	43.030
Vốn cấp 2	9.126	9.462	3,68%	14.772
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	249	699	180,72%	137
Tổng tài sản “Có” rủi ro	391.644	471.374	20,36%	515,633
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	13,33%	11,87%	-10,95%	11,18%

Nguồn: LPBank, tỷ lệ tính theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016

2.4. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán

a) Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Bảng 13: Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2024	2025	% tăng/giảm	06 tháng đầu năm 2026
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.654	1.240	-25,03	1.639
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.381	892	-35,41	1.182
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	273	348	27,47	457

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của LPBank

Mục đích chủ yếu của hoạt động kinh doanh ngoại hối là phục vụ nhu cầu của khách hàng, kinh doanh chênh lệch tỷ giá và điều hòa trạng thái ngoại tệ của Ngân hàng. Kết thúc năm 2025, thu nhập và lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối của Ngân hàng đạt lần lượt 1.240 tỷ VND và 348 tỷ VND. Trong 06 tháng đầu năm 2026, thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối đạt lần lượt 1.639 tỷ VND và 457 tỷ VND.

b) Hoạt động thanh toán

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 14: Doanh số, số lượng giao dịch chuyển tiền đi trong nước

Chỉ tiêu	2024		2025		06 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	So với 2023	Giá trị	So với 2024	Giá trị	So với 06 tháng đầu năm 2025
Thanh toán trong nước						
Doanh số thanh toán đi và đến (tỷ Đồng)	17.984.811	66,67%	34.571.385	92,23%	23.982.609	64,49%
Số lượng giao dịch	10.650.880	83,71%	12.282.801	15,32%	8.044.661	29,14%

Nguồn: LPBank

Năm 2025, hoạt động thanh toán trong nước của LPBank có sự tăng trưởng tích cực, số lượng giao dịch đạt 12.282.801 giao dịch và doanh số đạt 34.571.385 tỷ VND, lần lượt tăng 15,32% và 92,23% so với cùng kỳ năm 2024. Trong 06 tháng đầu năm 2026, số lượng giao dịch đạt 8.044.661 giao dịch và doanh số đạt 23.982.609 tỷ VND, lần lượt tăng 29,14% và 64,49% so với cùng kỳ năm 2025.

LPBank không ngừng nâng cao chất lượng xử lý giao dịch, 100% giao dịch được phân luồng xử lý liên tục, an toàn, nhanh chóng, chính xác. Hệ thống thanh toán cũng được cải tiến, nâng cấp về công nghệ, đường truyền, kết nối đảm bảo xử lý số lượng lớn giao dịch. Việc nghiên cứu, xây dựng và triển khai quy trình phê duyệt giao dịch tự động đã rút ngắn thời gian xử lý chỉ còn 5 giây/1 giao dịch; đồng thời sự chính xác, bảo mật của giao dịch được kiểm soát nghiêm ngặt bởi hệ thống quét lọc và cảnh báo tự động. Toàn bộ khách hàng được rà soát, kiểm tra, khai báo tên trên hệ thống theo đúng quy định. Chất lượng dịch vụ tốt của Ngân hàng đã đáp ứng kịp thời nhu cầu thanh toán của khách hàng và củng cố hơn nữa hình ảnh, thương hiệu của LPBank trên thị trường đầy cạnh tranh. Bên cạnh đó, LPBank luôn chú trọng đẩy mạnh các sản phẩm, dịch vụ thanh toán tiên tiến, hiện đại, mang đến cho khách hàng nhiều trải nghiệm. Các sản phẩm, dịch vụ hiện có tại LPBank gồm: Chuyển tiền theo lô, Chuyển tiền nhanh tại quầy và trên các ứng dụng như App LPBank, Chuyển tiền sau giờ Cut-off time... Ngoài kênh thanh toán điện tử liên ngân hàng của NHNN, LPBank còn tham gia các kênh thanh toán song phương, đa phương với các tổ chức tín dụng khác nhằm đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, tăng nguồn thu phí từ dịch vụ chuyển tiền trong nước.

Ngoài ra, LPBank tiếp tục triển khai các dịch vụ vượt trội như: Ủy thác thanh toán lương; Thu hộ Ngân sách Nhà nước và thanh toán song phương điện tử với Kho bạc Nhà nước; chi trả Bảo hiểm xã hội qua tài khoản cho các đối tượng chính sách... Qua đó đã khuyến khích khách hàng gia tăng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng, nâng cao mức độ hài lòng và sự gắn kết của khách hàng với Ngân hàng, đồng thời tăng cường tính cạnh tranh và nhận diện thương hiệu của LPBank trên thị trường.

d) Hoạt động thanh toán quốc tế

Bảng 15: Kết quả hoạt động thanh toán quốc tế

Chỉ tiêu	2024		2025		06 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	So với 2023	Giá trị	So với 2024	Giá trị	So với 06 tháng đầu năm 2025
Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại						
Tổng doanh số TTQT (triệu USD)	999	44,16%	1.186	18,72%	643	0,94%
Số lượng giao dịch TTQT	32.058	153,46%	82.636	157,77%	10.485	-3,27%

Nguồn: LPBank

Năm 2025, hoạt động xuất nhập khẩu tăng trưởng mạnh thúc đẩy tăng trưởng ở lĩnh vực trong đó có hoạt động thanh toán quốc tế (TTQT). Tổng doanh số TTQT năm 2025 đạt 1.186 triệu USD, tăng 18,72% so với năm 2024.

Trong năm 2025, hệ thống thanh toán quốc tế được vận hành trơn tru với tỷ lệ rủi ro và phát sinh chi phí xử lý sai sót nghiệp vụ bằng 0. Đồng thời, đội ngũ cán bộ TTQT đã kịp thời ngăn chặn được nhiều giao dịch có dấu hiệu rủi ro và vi phạm pháp luật, bảo vệ lợi ích hợp pháp cho khách hàng. Trước đó, vào năm 2024 LPBank đã xây dựng và ban hành sản phẩm UPAS L/C, bổ sung thêm cho đối tượng khách hàng doanh nghiệp một lựa chọn về sản phẩm tài trợ thương mại (TTTM) đầy tiềm năng. Đây được coi là “người anh em” với UPAS L/C, một sản phẩm vốn đã quen thuộc trên thị trường và được khách hàng nhập khẩu tin dùng, với khả năng ưu việt trong việc linh hoạt sử dụng nguồn vốn. Bên cạnh đó, LPBank tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản phẩm chuyển tiền quốc tế dành cho KHCN.

Trong 06 tháng đầu năm 2026, số lượng giao dịch TTQT của LPBank đạt 10.485 giao dịch và tổng doanh số TTQT đạt 643 triệu USD.

2.5. Hoạt động ngân hàng đại lý

LPBank đã thiết lập mạng lưới ngân hàng đại lý rộng khắp toàn cầu, đáp ứng các nhu cầu giao dịch ngân hàng quốc tế, trong đó, chủ yếu là chuyển tiền và tài trợ thương mại cho các khách hàng với các thị trường trên thế giới được nhanh chóng, an toàn, hiệu quả. Hiện nay LPBank duy trì quan hệ với 431 ngân hàng đại lý tại các thị trường chủ chốt của Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc và Trung Đông. Hệ thống quan hệ đại lý rộng khắp, bao gồm những ngân hàng lớn và uy tín tại nhiều thị trường quan trọng giúp LPBank thực hiện giao dịch thông suốt trên phạm vi toàn cầu thông qua mạng lưới của các đối tác này. Trong thời gian tới, chiến lược của LPBank đối với hoạt động ngân hàng đại lý là tập trung duy trì, mở rộng và nâng cấp quan hệ đại lý với các đối tác truyền thống đồng thời tăng cường phát triển tại các thị trường tiềm năng với mục tiêu tăng cường huy động vốn với lãi suất tốt và mở rộng cơ sở khách hàng thông qua kết nối kinh doanh quốc tế.

2.6. Hoạt động kinh doanh khác

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

a) Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán nợ

Bảng 16: Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán

Đơn vị: tỷ Đồng, %

STT	Chi tiêu	2024		2025		06 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	So với 2023 (%)	Giá trị	So với 2024 (%)	Giá trị	So với 2025 (%)
I	Chứng khoán đầu tư	58.080	23,99	52.768	-9,15	57.996	9,91
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	58.080	23,99	52.768	-9,15	57.996	9,91
A	Chứng khoán nợ	58.080	23,99	52.768	-9,15	57.996	9,91
B	Chứng khoán vốn	0	0,00	0	0,00	0	0,00
C	Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	0	0,00	0	0,00	0	0,00
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0,00	0	0,00	0	0,00
A	Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	0	0,00	0	0,00	0	0,00
B	Dự phòng trái phiếu đặc biệt	0	0,00	0	0,00	0	0,00
II	Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	2.273	0,80	2.557	12,49	1.348	6,23%

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của LPBank

Về hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán nợ, LPBank tiếp tục khẳng định được vai trò và vị thế trên thị trường đồng thời củng cố và tăng cường mối quan hệ hợp tác tốt đối với các đối tác trong hệ thống tài chính ngân hàng nói chung. LPBank tiếp tục chủ động nắm bắt xu hướng diễn biến lãi suất và tận dụng cơ hội của thị trường để đa dạng hóa danh mục đầu tư nhằm tối đa hóa lợi nhuận gắn liền với kiểm soát và quản lý rủi ro thanh khoản, lãi suất.

Trong năm 2024, lãi từ hoạt động kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ của LPBank đạt 2.273 tỷ VND, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm 2023. Tính đến hết năm 2025, lãi từ hoạt động kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ đạt 2.557 tỷ VND, tăng 12,49% so với cùng kỳ năm 2024. Trong 06 tháng đầu năm 2026, lãi từ hoạt động kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ đạt 1.348 tỷ VND, tăng 6,23% so với cùng kỳ năm 2025.

b) Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Với phương châm lấy khách hàng làm trọng tâm, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính cho khách hàng một cách tiện lợi nhất, LPBank đã hợp tác với các đối tác bảo hiểm uy tín trên thị trường để cung cấp dịch vụ/sản phẩm bảo hiểm cho khách hàng.

Với lợi thế mạng lưới giao dịch rộng khắp cả nước, LPBank đã tối ưu khả năng tiếp cận và phục vụ khách hàng, đặc biệt nhóm khách hàng nông thôn - vốn bị hạn chế cơ hội tiếp cận các sản phẩm tài chính. Việc này cũng giúp LPBank đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ tài chính (phi truyền thống) và tối ưu lợi nhuận của Ngân hàng.

c) Hoạt động kinh doanh thẻ

Hiện nay, LPBank duy trì mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các Tổ chức Thẻ và tổ chức chuyển mạch thanh toán trong nước và quốc tế như Visa, JCB, Mastercard, UnionPay, NAPAS, VNPAY... qua đó góp phần thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, đồng thời cung cấp cho khách hàng các phương thức thanh toán đa dạng, thuận tiện và hiện đại. Trên cơ sở am hiểu nhu cầu và đặc điểm của từng phân khúc khách hàng, LPBank đã hoàn thành việc định vị giá trị khách hàng (CVP) cho các sản phẩm thẻ tín dụng dành cho phân khúc khách hàng phổ thông, trung lưu và cao cấp tạo nền tảng để hoàn thiện danh mục sản phẩm, nâng cao trải nghiệm khách hàng và tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường. Theo đó, LPBank không ngừng hoàn thiện và đa dạng hóa danh mục sản phẩm, giải pháp thanh toán thẻ tín dụng với các dòng sản phẩm Visa Signature, JCB Ultimate, Visa/JCB Platinum và Visa/JCB Standard..., đi kèm các chương trình ưu đãi, cơ chế hoàn tiền và tích lũy điểm thưởng dành cho khách hàng, qua đó gia tăng giá trị sử dụng và mức độ gắn kết của khách hàng với sản phẩm. Bên cạnh đó, LPBank đã triển khai các phương thức thanh toán một chạm như Google Pay và Apple Pay, mang đến trải nghiệm thanh toán nhanh chóng, đơn giản và thuận tiện, đáp ứng xu hướng ngày càng gia tăng của các phương thức thanh toán số.

Ngoài việc chú trọng đa dạng giải pháp, nâng cao tiện ích thanh toán, LPBank liên tục triển khai các chương trình ưu đãi với các lợi ích hấp dẫn dành cho các khách hàng mới và khách hàng hiện hữu để thúc đẩy chi tiêu như: Các voucher giảm giá, hoàn tiền trên doanh số thanh toán, tặng lượt chơi dịch vụ thể thao cao cấp, tặng lượt sử dụng dịch vụ phòng chờ sân bay hạng thương gia, cùng các chương trình khuyến mãi kết hợp với các đối tác Visa, JCB, NAPAS, Grab, Shopee, Golden Gate... trong các lĩnh vực đi lại, ăn uống/ẩm thực, mua sắm... Các chương trình này khi triển khai đã thu được các kết quả rất khả quan, nhận được sự ủng hộ rất lớn từ khách hàng do đem lại các lợi ích đáp ứng đúng nhu cầu khách hàng khi sử dụng thẻ LPBank.

3. Cập nhật Tài sản tại Bản Cáo Bạch

3.1. Tài sản cố định hữu hình

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống] 

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

Bảng 17: Chi tiết tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	796	343	452	775	365	410	775	376	399
Máy móc, thiết bị	1.388	664	725	1.779	754	1.025	1.776	825	951
Phương tiện vận tải	905	492	413	1.028	500	529	1.021	539	482
Thiết bị dụng cụ quản lý	284	207	78	285	220	65	301	230	71
Tài sản cố định hữu hình khác	97	48	48	97	55	42	81	55	27
Tổng cộng	3.470	1.754	1.716	3.964	1.894	2.071	3.954	2.024	1.930

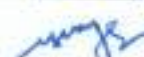
Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của LPBank

3.2. Tài sản cố định vô hình

Bảng 18: Chi tiết tài sản cố định vô hình

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	624	27	597	638	32	606	674	34	640
Phần mềm máy tính	634	215	419	839	256	583	994	287	707
Tổng cộng	1.258	242	1.016	1.477	288	1.189	1.668	320	1.348



Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của LPBank

3.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Đến nay, Ngân hàng đã hoàn thành triển khai các trụ cột của Basel, cụ thể: Năm 2022 hoàn thành triển khai Basel III; năm 2020 hoàn thành cả 03 trụ cột theo chuẩn mực Basel II với việc hoàn thành trước hạn việc triển khai đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

Hoạt động Quản trị rủi ro sẽ tiếp tục được duy trì thường xuyên, liên tục, không tách rời với hoạt động kinh doanh và hướng đến mục tiêu quản lý toàn diện các rủi ro trọng yếu.

Trong năm 2025, Ngân hàng đã có nhiều bước tiến mới như thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức mới, chuyển dịch hoạt động kinh doanh lên mô hình ngành dọc, chuyên môn hóa nghiệp vụ tại Hội sở, giúp tăng cường công tác đo lường, cảnh báo và kiểm soát các rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Đặc biệt, qua việc rà soát định kỳ các chính sách, quy trình, quy định nội bộ, Ngân hàng đảm bảo việc kiểm soát chéo và tăng cường hiệu quả công tác kiểm soát rủi ro và tuân thủ.

Tỷ lệ an toàn vốn thường xuyên duy trì ở quanh mức 12% thể hiện nỗ lực của Ngân hàng trong việc xây dựng và củng cố an toàn vốn.

3.3.1. Quản lý rủi ro tín dụng

LPBank chú trọng kiểm soát chất lượng tín dụng song song với tăng trưởng tín dụng hiệu quả. Trong những năm qua, LPBank kiên định phát triển theo định hướng ngân hàng bán lẻ trên cơ sở khai thác thế mạnh mạng lưới, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa, nơi người dân ít có cơ hội tiếp cận với dịch vụ tài chính ngân hàng, dễ bị ảnh hưởng bởi “tín dụng đen”. Đến nay, LPBank “hiện diện” khắp các xã, huyện thị trên cả nước, mạng lưới trải dài khắp 34 tỉnh thành với hơn 1.200 điểm giao dịch. Thế mạnh mạng lưới là một trong những động lực chính thúc đẩy tăng trưởng huy động vốn dân cư; cho vay bán lẻ của toàn hàng và là mũi nhọn chiến lược trong những năm tiếp theo.

Để đạt được kết quả này, công tác quản lý rủi ro tín dụng áp dụng nhiều biện pháp, cụ thể:

- Quản lý rủi ro tín dụng được thực hiện trong suốt quá trình xem xét, thẩm định, phê duyệt, quản lý cấp tín dụng. Tại bất kỳ khâu nào của quy trình cấp tín dụng ngân hàng đều có bộ quy tắc, bộ dấu hiệu nhận diện rủi ro và quy trình quản lý rủi ro tương ứng phù hợp.
- LPBank xây dựng chiến lược quản lý rủi ro trong từng thời kỳ với định hướng chiến lược được xác định bởi HĐQT và bao quát cho nhiều mục tiêu của hoạt động cấp tín dụng: thị trường phân khúc mục tiêu, tỷ lệ nợ xấu mục tiêu, chiến lược về lãi suất, chính sách nhận, quản lý tài sản bảo đảm...
- Công tác thẩm định, kiểm soát giải ngân, phê duyệt tín dụng tiếp tục được chuyển đổi theo hướng tập trung tại Hội sở đảm bảo tính độc lập, khách quan, tránh mọi mâu thuẫn về mặt lợi ích.
- Tăng cường các biện pháp phân luồng, xử lý, thu hồi nợ quá hạn, nợ xấu.
- Thực hiện giám sát thường xuyên các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động tín dụng.

- Thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của NHNN.

3.3.2. Quản lý rủi ro hoạt động

Công tác quản lý RRHD đã có nhiều chuyển biến với việc triển khai đồng bộ các công cụ chính: Thu thập sự kiện tổn thất (LDC) từ phần mềm quản lý RRHD; Tự đánh giá rủi ro và chốt kiểm soát (RCSA); Các chỉ số rủi ro chính (KRIs).

Hệ thống văn bản nội bộ không ngừng được rà soát, cập nhật thường xuyên, trong đó, đặc biệt chú trọng rà soát các quy định/quy trình trong quá trình chuyển đổi mô hình và hoạt động chuyển đổi số của Ngân hàng đảm bảo hệ thống văn bản đầy đủ, cập nhật và tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Cảnh báo sớm RRHD được thực hiện thường xuyên và được hỗ trợ bởi các công cụ hiện đại (RCSA, KRIs, Loss Data Collection). Các dấu hiệu rủi ro, gian lận điển hình của hệ thống ngân hàng trong năm qua (gian lận giả mạo hồ sơ, tội phạm công nghệ, an toàn bảo mật thông tin, an toàn kho quỹ...) được tăng cường rà soát, cảnh báo kịp thời góp phần đảm bảo an toàn hoạt động Ngân hàng.

Bên cạnh các công cụ kỹ thuật, LPBank cũng không ngừng tập trung nâng cao văn hóa quản lý RRHD thông qua công tác đào tạo, truyền thông, bảo đảm tuân thủ Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, và xây dựng một môi trường lao động gắn kết để ngăn ngừa rủi ro. Việc triển khai đồng bộ công tác quản lý kinh doanh cho các đơn vị từ Hội sở đến các ĐVKD góp phần tích cực trong việc duy trì tính liên tục đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong trường hợp bất khả kháng.

Ngân hàng đã triển khai dự án An ninh an toàn hệ thống CNTT nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro của Ngân hàng nhằm ứng phó với rủi ro hệ thống CNTT đặc biệt là trong bối cảnh Ngân hàng đang trong giai đoạn từng bước chuyển đổi số hóa.

3.3.3. Quản lý rủi ro thị trường, thanh khoản

Công tác quản lý rủi ro thị trường, thanh khoản luôn được Ngân hàng chú trọng đổi mới, phát triển hiện đại hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở duy trì mô hình quản trị rủi ro chặt chẽ xuyên suốt từ Hội sở đến các ĐVKD và kiểm soát tập trung tại Hội sở. Việc kiểm soát rủi ro thị trường và thanh khoản được thiết lập trên nguyên tắc độc lập giữa đơn vị thực hiện giao dịch và đơn vị kiểm soát rủi ro.

Thanh khoản hệ thống được đảm bảo duy trì thường xuyên, liên tục và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn. Các tỷ lệ đảm bảo thanh khoản của Ngân hàng đáp ứng tốt các quy định của NHNN. Cơ cấu vốn ổn định được cải thiện nhờ tăng vốn điều lệ, vốn trung và dài hạn. Đồng thời, cơ cấu nguồn vốn trung dài hạn cũng được cải thiện tích cực thông qua việc phát hành trái phiếu trung dài hạn. Ngân hàng thực hiện quản lý vốn tập trung, hiệu quả thông qua triển khai, áp dụng ICAAP. Ngân hàng chủ động sử dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro thị trường bao gồm phái sinh ngoại tệ, phái sinh lãi suất, đồng thời điều chỉnh chính sách lãi suất phù hợp với biến động của thị trường tiền tệ và chính sách của NHNN. Công tác kiểm tra, giám sát, đo lường trạng thái rủi ro và xây dựng các kịch bản kiểm thử được thực hiện thường xuyên, liên tục. Kết quả, chất lượng giám sát được nâng cao nhờ ứng dụng các công nghệ hiện đại và sử dụng linh hoạt, hiệu quả các công cụ quản trị rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản (mô hình định giá, mô hình khe hở thanh khoản, mô hình giá trị chịu rủi ro VAR, mô hình kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản...). Hệ thống các hạn mức rủi ro thị trường



và thanh khoản liên tục được rà soát, điều chỉnh hoặc thiết lập các hạn mức mới đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành cũng như thực tế hoạt động và kiểm soát độc lập đảm bảo tính tuân thủ và hạn chế rủi ro cho Ngân hàng.

3.3.4. Phòng chống rửa tiền/tài trợ khủng bố/ tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và tuân thủ cấm vận (PCRT/TTKB/TTPBVK&TTCV)

Công tác phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, phòng chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tuân thủ cấm vận (PCRT/TTKB/TTPBVK&TTCV) liên tục được rà soát, cập nhật nhằm tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, hướng tới các tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, diễn biến trên thị trường. Các nội dung của khung công tác PCRT/TTKB/PBVK&TTCV được triển khai đồng bộ và liên tục được hoàn thiện, nâng cao hiệu quả.

Nhận thức rõ vai trò của con người và hệ thống CNTT đối với hoạt động PCRT/TTKB/PBVK&TTCV, Ngân hàng tiếp tục chú trọng đầu tư cho (i) công tác đào tạo, cảnh báo trên toàn hệ thống nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của các cán bộ, nhân viên góp phần xây dựng văn hóa tuân thủ, đặc biệt là trong công tác PCRT/TTKB/PBVK&TTCV tại Ngân hàng; (ii) tăng cường hoạt động rà soát, giám sát khách hàng, giao dịch, đặc biệt là các khu vực có mức độ rủi ro cao; và (iii) xây dựng và cải tiến các hệ thống CNTT nhằm nâng cao mức độ tự động hóa, cảnh báo sớm các rủi ro và hỗ trợ hiệu quả hơn cho công tác PCRT/TTKB/PBVK&TTCV.

3.3.5. Định hướng công tác quản lý rủi ro năm 2026

Trong năm 2026, công tác quản lý rủi ro sẽ tiếp tục được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của Ngân hàng với sự đầu tư, hoạch định các kế hoạch, chiến lược mới nhằm: (i) nâng cấp và hiện đại hóa công tác quản lý rủi ro; (ii) đầu tư phát triển các công cụ cảnh báo sớm rủi ro; (iii) đáp ứng các yêu cầu nâng cao về tuân thủ PCRT/TTKB/TTPBVK&TTCV của pháp luật và môi trường kinh doanh; (iv) hướng tới phát triển bền vững trong hoạt động tại Ngân hàng; và (v) tăng cường kiểm soát các hoạt động trọng yếu/tiềm ẩn nhiều rủi ro nhằm phát hiện và cảnh báo sớm rủi ro.

Để giảm thiểu rủi ro tập trung, Ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh phát triển cho vay nhỏ lẻ, nông nghiệp nông thôn; cho vay hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao, tham gia chuỗi giá trị liên kết; phát triển các sản phẩm dịch vụ để gia tăng tỷ trọng doanh thu phi tín dụng; đồng thời kiểm soát tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như bất động sản, chứng khoán, các dự án BOT giao thông.

Ngân hàng đặt mục tiêu hoàn thiện hơn nữa khung năng lực quản trị rủi ro, PCRT/TTKB/TTPBVK&TTCV và tái cơ cấu khung công tác về PCRT/TTKB/TTPBVK&TTCV nhằm đáp ứng theo các thay đổi về tuân thủ PCRT/TTKB/TTPBVK của pháp luật và môi trường kinh doanh. Đồng thời, Ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh tiến độ và hoàn thành các dự án trọng điểm khác như: nâng cấp hệ thống PCRT, đánh giá an toàn bảo mật công nghệ thông tin, triển khai dự án ALM, triển khai xây dựng hệ thống cảnh báo sớm EWS... góp phần nâng cao hiệu quả và năng lực quản trị của Ngân hàng.

4. Cập nhật Thị trường hoạt động tại Bản Cáo Bạch

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

4.1. Mạng lưới Chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện

Sau chặng đường hơn 18 năm, LPBank tự hào đã trở thành một trong số ngân hàng TMCP có mạng lưới chi nhánh, văn phòng giao dịch lớn nhất tại Việt Nam. Mạng lưới hoạt động của LPBank đang được mở rộng tới khắp 34 tỉnh thành trên cả nước. Tại ngày 30/06/2026, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 03 Văn phòng đại diện, 85 Chi nhánh, 481 Phòng Giao dịch, 487 Phòng Giao dịch Bưu điện trên cả nước. Số lượng nhân viên là 9.548 người.

Với mong muốn cung cấp sản phẩm dịch vụ ngân hàng chất lượng tới tất cả người dân kể cả vùng sâu vùng xa, công tác phát triển mạng lưới tại LPBank luôn được chú trọng hàng đầu. Ngày 31/12/2015, NHNN ban hành Thông tư số 43/2015/TT-NHNN về tổ chức và hoạt động của PGDBĐ trực thuộc Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (nay là Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam), tạo hành lang pháp lý để LPBank là ngân hàng duy nhất được phép mở Phòng Giao dịch Ngân hàng đến tất cả các đơn vị hành chính cấp huyện trên cả nước. Từ thời điểm 31/12/2020, LPBank đã có Phòng Giao dịch tại hầu hết các quận, huyện trên toàn quốc, đưa sản phẩm dịch vụ ngân hàng chất lượng đến với mọi người dân trên 34 tỉnh thành.

LPBank chưa có văn phòng giao dịch ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Bảng 19: Tình hình doanh thu và lợi nhuận theo khu vực địa lý

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Khu vực thị trường	Năm 2024		Năm 2025		06 tháng đầu năm 2026	
		Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế
1	Miền Bắc	17.650	3.102	17.879	2.514	10.975	1.347
2	Miền Trung	7.185	1.400	7.391	1.142	4.488	421
3	Miền Nam	8.399	1.947	9.745	2.566	4.685	97
4	Không phân miền (*)	43.763	3.272	56.259	5.201	35.155	2.935
Tổng cộng		76.997	9.721	91.274	11.422	55.303	4.800

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của LPBank

Ghi chú (*): số liệu không phân miền chủ yếu là số liệu ở Hội sở chính của Ngân hàng

4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

🔹 Mạng lưới khách hàng

Tính đến thời điểm 30/06/2026, mạng lưới khách hàng của LPBank phân loại theo từng đối tượng khách hàng gồm có:

- Khách hàng doanh nghiệp: Quy mô KHDN của LPBank đạt hơn 64 nghìn khách hàng.
- Khách hàng cá nhân: Quy mô KHCN của LPBank đạt gần 6,5 triệu khách hàng.

🔹 Các loại dịch vụ cho khách hàng

✓ Các Sản phẩm dịch vụ dành cho cá nhân: bao gồm:



- *Ngân hàng số*: bao gồm các dịch vụ ngân hàng, được số hóa để Khách hàng có thể thực hiện giao dịch 24/7 trên nền tảng ứng dụng Ngân hàng số LPBank mà không phải đến ngân hàng, bao gồm các sản phẩm, dịch vụ như: gửi tiết kiệm online, vay cầm cố sổ tiết kiệm online, vay theo hạn mức thẻ tín dụng, thanh toán (hóa đơn, học phí, trả nợ/thanh toán khoản vay/thẻ tín dụng, đóng phí bảo hiểm...), mua sắm online (đặt hoa, đặt phòng khách sạn, mua vé máy bay, đặt dịch vụ dọn vệ sinh/giúp việc theo giờ, mua xổ số vietlott...), rút/ nạp/chuyển tiền, quản lý tài khoản/thẻ và nhiều tính năng, tiện ích khác;
 - *Tiền gửi*: đa dạng hóa các sản phẩm tiền gửi đáp ứng nhu cầu của các phân khúc Khách hàng bao gồm các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn (Tiền gửi thanh toán, Tiết kiệm KKH), tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn (Tiết kiệm Thường, tiết kiệm An Nhân Tuổi Hưu, tiết kiệm Rút gốc Linh Hoạt, tiết kiệm Lộc Phát Thịnh Vượng, tiết kiệm Lãi suất Thả Nổi), tiết kiệm online trên kênh Ngân hàng Số và sản phẩm GTCG khác như trái phiếu, Sinh lời Lộc Phát;
 - *Thẻ*: bao gồm các sản phẩm thẻ, dịch vụ thanh toán thẻ và các dịch vụ khác dành cho thẻ;
 - *Cho vay*: bao gồm các sản phẩm cho vay phục vụ nhu cầu đời sống và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - *Bảo hiểm*: gồm các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ dành cho nhu cầu cá nhân.
- ✓ *Các Sản phẩm dịch vụ dành cho doanh nghiệp*: bao gồm:
- *Tiền gửi*: gồm tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản thanh toán; tiền gửi ký quỹ; tiền gửi có kỳ hạn thông thường; đầu tư tự động; tiền gửi bậc thang, tiền gửi bảo toàn;
 - *Cho vay*: xét về kỳ hạn vay, Ngân hàng triển khai cho vay theo các kỳ hạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; xét theo đối tượng cho vay, LPBank tập trung khai thác ba nhóm khách hàng chính với các sản phẩm được thiết kế riêng cho từng nhóm đối tượng khách hàng mang tính cạnh tranh trên thị trường như các KHDN hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, các KHDN hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp, các KHDN hoạt động trong lĩnh vực thương mại, sản xuất. Một số sản phẩm mang tính cạnh tranh trên thị trường bao gồm sản phẩm cấp tín dụng cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, sản phẩm bảo lãnh, sản phẩm cho vay theo thư tín dụng xuất khẩu, sản phẩm cho vay theo hợp đồng xuất khẩu, chiết khấu bộ chứng từ, sản phẩm cho vay bảo đảm bằng sổ dư tiền gửi, giấy tờ có giá;
 - *Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại*: gồm các sản phẩm dành cho doanh nghiệp xuất/nhập khẩu; chuyển tiền ngoại tệ; bảo lãnh; tài trợ thương mại nội địa; mua hần miễn truy đòi Bộ chứng từ theo LC;
 - *Thanh toán và quản lý dòng tiền*: các dịch vụ quản lý khoản; quản lý dòng tiền; chuyển tiền và quản lý tài khoản; các dịch vụ thu hộ, chi hộ;

- *Kinh doanh ngoại tệ và thị trường vốn:* gồm các dịch vụ ngân hàng đầu tư; kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh lãi suất;
- *Ngân hàng điện tử:* hỗ trợ khách hàng thực hiện các giao dịch tài chính và quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi thông qua kết nối Internet;
- *Bảo hiểm:* gồm các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp...
- *Thẻ tín dụng:* gồm các sản phẩm thẻ tín dụng cho KHDN.

4.3. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

Trải qua hơn 18 năm xây dựng và phát triển, LPBank đang dần khẳng định vị thế vững chắc cũng như uy tín, thương hiệu của mình trên thị trường, tạo dựng được niềm tin đối với khách hàng. Năm 2020 ghi dấu mốc son trong chặng đường phát triển của Ngân hàng khi cổ phiếu LPBank được chấp thuận niêm yết trên HOSE. Sự kiện này là bước chuyển đổi lớn về vị thế của Ngân hàng trên thị trường, khẳng định năng lực quản trị minh bạch, hiệu quả, nâng tầm thương hiệu và giá trị của LPBank đối với các nhà đầu tư, đồng thời nâng cao thanh khoản của cổ phiếu, từ đó đem lại lợi ích tối đa cho cổ đông. Năm 2024, LPBank lần đầu tiên gia nhập nhóm ngân hàng có tổng tài sản trên 500.000 tỷ VND, đó là bước đột phá lớn của Ngân hàng.

Xét về mặt quy mô:

Tính đến ngày 31/12/2025, TTS của Ngân hàng đạt gần 605.585 tỷ VND, thuộc top 11 NHTM niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch trên UPCOM ("NHTM Niêm yết và Đăng ký giao dịch") có TTS lớn nhất. Vốn chủ sở hữu đạt 47.192 tỷ VND, thuộc top 11 NHTM Niêm yết và Đăng ký giao dịch có vốn chủ sở hữu lớn nhất tại Việt Nam.

Tính đến hết ngày 30/06/2026, TTS của Ngân hàng đạt 615.502 tỷ VND, Vốn chủ sở hữu đạt 43.030 tỷ VND.

Xét về hiệu quả hoạt động:

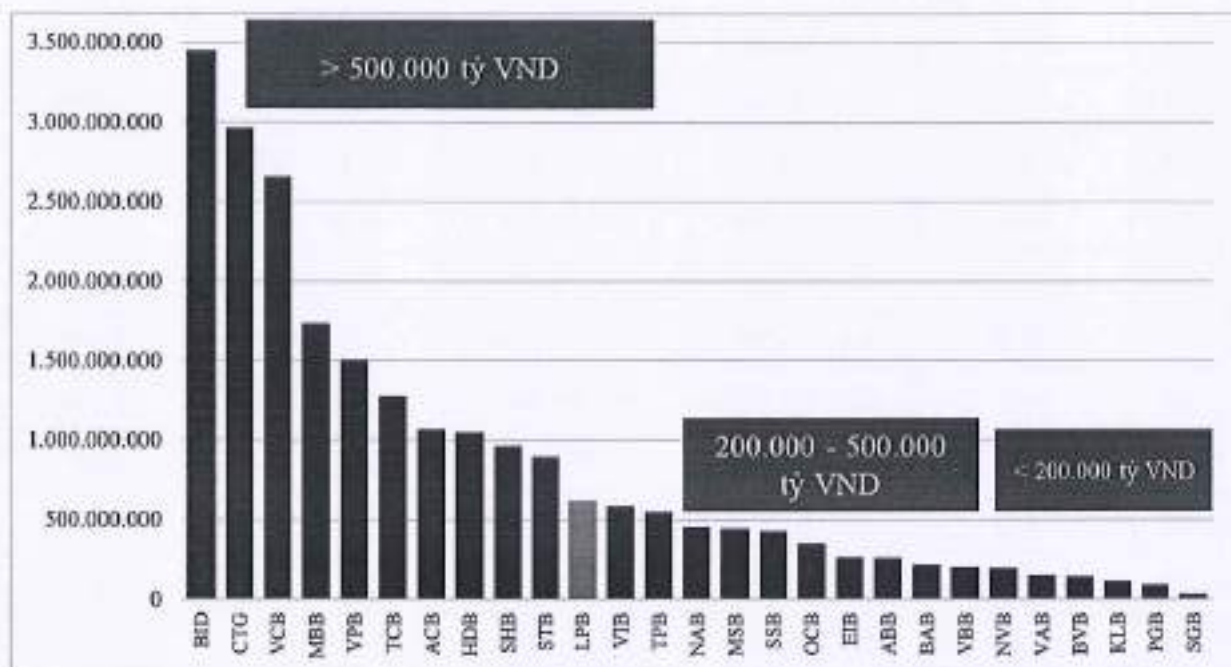
Lợi nhuận trước thuế (LNTT) của LPBank trong năm 2025 đạt 14.269 tỷ VND, thuộc top 10 NHTM Niêm yết và Đăng ký giao dịch có lợi nhuận cao nhất. Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ xấu (NPL) tại 31/12/2025 đạt xấp xỉ 1,68%, thuộc top 11 NHTM Niêm yết và Đăng ký giao dịch có tỷ lệ NPL thấp nhất. Điều này chứng tỏ tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro và chất lượng tài sản của Ngân hàng.

Trải qua 06 tháng đầu năm 2026, LNTT của LPBank đạt 5.973 tỷ VND, NPL đạt 1,85%.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



Biểu đồ 2: TTS của 27 NHTM niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch trên UPCOM



Nguồn: BCTC/BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của các ngân hàng và BCTC hợp nhất Quý II năm 2026 tự lập của HDB, SHB, NVB, KLB
Ghi chú: Tên của các ngân hàng so sánh được viết tắt theo mã chứng khoán niêm yết của các ngân hàng đó

Bảng 20: Vị thế của LPBank trong ngành

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Các NHTM	TTS 6T/2026	VCSH 6T/2026	LNTT 6T/2026	NPL 6T/2026
1	BID	3.440.840.854	198.783.286	18.904.589	1,83%
2	CTG	2.962.003.670	200.214.302	25.868.105	1,20%
3	VCB	2.657.440.573	248.490.506	29.222.378	0,61%
4	MBB	1.733.012.662	156.762.644	20.188.258	1,45%
5	VPB	1.502.526.376	191.215.344	18.879.965	3,28%
6	TCB	1.273.076.923	188.997.150	18.539.986	1,08%
7	ACB	1.067.845.075	99.314.518	10.735.039	1,03%
8	HDB ¹	1.045.435.451	90.226.345	13.202.018	2,79%

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

STT	Các NHTM	TTS 6T/2026	VCSH 6T/2026	LNTT 6T/2026	NPL 6T/2026
9	STB	892.048.566	62.807.249	4.136.096	7,54%
10	SHB ¹	962.666.652	75.154.038	9.091.983	2,07%
11	LPB	615.502.468	43.030.481	5.973.073	1,85%
12	VIB	580.998.048	47.837.834	5.185.708	2,93%
13	TPB	547.664.403	49.565.884	4.483.295	1,86%
14	NAB	451.517.264	25.892.493	3.158.754	1,47%
15	MSB	440.998.586	45.246.509	3.422.703	2,53%
16	SSB	427.107.510	42.195.287	2.625.389	2,25%
17	OCB	351.741.185	35.821.889	2.469.994	3,49%
18	EIB	266.067.927	26.487.794	678.477	3,08%
19	ABB	260.561.468	22.597.210	3.016.117	1,20%
20	VBB	204.824.910	13.154.026	943.549	1,87%
21	BAB	214.351.093	13.739.390	682.189	1,13%
22	NVB ¹	198.896.148	14.319.633	726.999	6,43%
23	VAB	149.129.595	10.809.684	824.735	1,22%
24	BVB	141.974.435	7.921.600	547.408	3,22%
25	KLB ¹	114.911.027	9.289.228	1.175.711	1,83%
26	PGB	89.312.480	8.212.376	439.749	2,93%
27	SGB	35.669.855	4.233.066	48.161	2,89%

Nguồn: BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của các ngân hàng và BCTC hợp nhất Quý II năm 2026 tự lập của HDB, SHB, NVB, KLB
Vị thế của LPBank theo đánh giá của Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Đầu tư Việt Nam (VIS Rating)

Theo bản công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm vào ngày 08/05/2026 của VIS Rating, LPBank được đánh giá như sau:

STT	Tiêu chí	Xếp hạng	Triển vọng
1	Tổ chức phát hành dài hạn	A+	Ổn định

¹ HDB, SHB, NVB, KLB theo nguồn BCTC hợp nhất Quý II năm 2026 tự lập.

Nguồn: VIS Rating

Xét về thị phần:

Tại thời điểm 30/06/2026, thị phần của LPBank về tổng tài sản, dư nợ cho vay khách hàng và tiền gửi của khách hàng so với các ngân hàng trong ngành lần lượt là 2,72%; 2,79% và 2,62%.

Bảng 21: Thị phần về tổng tài sản, dư nợ cho vay khách hàng và tiền gửi của khách hàng so với các ngân hàng trong ngành

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Tổng tài sản	Dư nợ cho vay khách hàng	Tiền gửi của khách hàng
LPBank (tỷ Đồng)	615.502	429.465	353.513
Thị phần LPBank so với các ngân hàng trong ngành	2,72%	2,79%	2,62%

Nguồn: Số liệu được tính toán theo dữ liệu từ BCTC/BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng năm 2026 hoặc BCTC tự lập Quý II năm 2026 của 27 ngân hàng đang niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch trên UPCOM

4.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Một số dự án đã và đang được Ngân hàng triển khai để phát triển hoạt động kinh doanh như sau:

Bảng 22: Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh của LPBank

STT	Tên Dự án/Nội dung	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của LPBank
1	Dự án Ngân hàng số LPBank - Dự án NewApp đang được triển khai nhằm thay thế ứng dụng LPBank hiện tại. Mục tiêu dự án là xây dựng nền tảng hợp kênh, tích hợp các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng số và thẻ, với kiến trúc hiện đại, giao diện mới thân thiện và trải nghiệm người dùng được nâng cấp toàn diện. - Mục tiêu chiến lược: Xây dựng hệ sinh thái tài chính số toàn diện không dùng tiền mặt và hỗ trợ phát triển tài chính vi mô; hợp nhất trải nghiệm khách hàng trên cả kênh trực tiếp và online. - Đây được xác định là sản phẩm ngân hàng số chiến lược của LPBank	Đang triển khai	Việc đẩy mạnh cung ứng sản phẩm, dịch vụ trên Ngân hàng số LPBank giúp Ngân hàng tiết kiệm được các chi phí về nhân sự, thuê mặt bằng, tối đa hóa hiệu quả về hạ tầng công nghệ. Mặt khác, ứng dụng này giúp Ngân hàng huy động tối đa nguồn tiền nhân rộng trong dân cư, tạo sự chuyển biến rõ rệt về thanh toán không dùng tiền mặt.

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

2	Sinh lời tự động	Đang triển khai	Đa dạng hóa danh mục sản phẩm dịch vụ, mang tới cho KHDN và KHCN giao dịch tại LPBank sản phẩm an toàn và thanh khoản linh hoạt.
3	Dự án Phòng chống thất thoát dữ liệu DLP (Data Loss Prevention)	Đang triển khai	Hệ thống giám sát, phát hiện và ngăn chặn nguy cơ thất thoát dữ liệu, đặc biệt đối với dữ liệu khách hàng và thông tin quan trọng của ngân hàng. Hệ thống giúp kiểm soát việc truy cập, sao chép, chia sẻ và truyền tải dữ liệu trên các kênh, đồng thời cảnh báo và ngăn chặn các hành vi vi phạm. Qua đó, DLP góp phần tăng cường bảo mật thông tin, giảm thiểu rủi ro rò rỉ dữ liệu, tuân thủ các quy định về an toàn thông tin và nâng cao năng lực quản trị dữ liệu của ngân hàng.
4	Pentest: Đánh giá xâm nhập thử nghiệm, kiểm thử bảo mật, dò quét lỗ hổng và khắc phục điểm yếu hàng năm	Đang triển khai	Nâng cao tính bảo mật và an toàn thông tin trong các hệ thống của Ngân hàng hàng năm.
5	Các dự án AI: Phục vụ khách hàng, phục vụ nội bộ ngân hàng	Đang triển khai	- Các dự án AI phục vụ khách hàng: Ứng dụng AI nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, cá nhân hóa sản phẩm và dịch vụ, hỗ trợ khách hàng nhanh chóng, chính xác và thuận tiện hơn trên các kênh giao dịch. - Các dự án AI phục vụ nội bộ ngân hàng: Ứng dụng AI nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và vận hành, tự động hóa các tác vụ, tối ưu quy trình, hỗ trợ cán bộ trong xử lý công việc và ra quyết định, qua đó tiết kiệm thời gian, chi phí và nâng cao năng suất.
6	Hệ thống Cảnh báo sớm EWS	Đang triển khai	Hệ thống tự động theo dõi và phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường, nguy cơ suy giảm chất lượng tín dụng của khách hàng. Hệ thống hỗ trợ ngân hàng chủ động nhận diện và xử lý rủi ro, hạn chế phát sinh nợ xấu và tổn thất tín dụng. Đồng thời, EWS nâng cao hiệu quả giám sát danh mục tín dụng, hỗ trợ cán bộ đưa ra quyết định kịp thời, tăng cường năng lực quản trị rủi ro và nâng cao chất lượng quản lý khách hàng.
7	Hệ thống thẻ điểm tín dụng nội bộ (Scorecard) cho khách hàng	Đang triển khai phase 2	Hệ thống đánh giá, xếp hạng tín dụng khách hàng tự động, chính xác và nhất quán dựa

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

			trên dữ liệu. Hệ thống hỗ trợ Ngân hàng lượng hóa rủi ro, nâng cao chất lượng quyết định cấp tín dụng, xác định hạn mức phù hợp và rút ngắn thời gian phê duyệt. Đồng thời, dự án góp phần tăng cường quản trị rủi ro, kiểm soát nợ xấu, nâng cao hiệu quả quản lý danh mục tín dụng và đáp ứng định hướng phát triển của Ngân hàng.
8	Nâng cấp Core thể	Đang thực hiện	Phiên bản nâng cấp sẽ ứng dụng công nghệ mới, khắc phục hạn chế về kỹ thuật của hệ thống hiện tại. Đồng thời, hệ thống sẽ phát triển, nâng cấp và bổ sung các tính năng, cải thiện những hạn chế hiện hữu nhằm đáp ứng tốt hơn định hướng và chiến lược phát triển kinh doanh.
9	Dự án Loyalty	Đang thực hiện	Tăng mức độ gắn bó và duy trì khách hàng, từ đó giảm tỷ lệ rời bỏ và tối ưu chi phí marketing. Hệ thống giúp cá nhân hóa trải nghiệm thông qua tích điểm, ưu đãi dựa trên dữ liệu hành vi, qua đó nâng cao sự hài lòng. Đồng thời, Loyalty góp phần xây dựng lợi thế cạnh tranh bền vững, tăng khả năng giữ chân khách hàng, hỗ trợ chuyển đổi số và thúc đẩy bán chéo sản phẩm, dịch vụ.

Nguồn: LPBank

5. Thông tin về cổ đông lớn

Tại thời điểm 31/07/2026, LPBank có 01 cổ đông lớn là tổ chức, chi tiết như sau:

Tên cổ đông lớn:	Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam
Năm thành lập:	2005
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	Số 0102595740 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/10/2010, và thay đổi lần thứ 9 ngày 03/11/2025
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 5, đường Phạm Hùng, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Vốn điều lệ:	8.122.000.000.000 VND
Người đại diện theo pháp luật:	Chu Quang Hào - Tổng Giám đốc

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

Người đại diện theo ủy quyền tại LPBank:	- Phan Thảo Nguyên (Thành viên Hội đồng Thành viên) - Nguyễn Kiên Cường (Phó Tổng Giám đốc)
Số lượng cổ phần của Cổ đông lớn sở hữu tại LPBank:	195.286.044 cổ phần, tương đương với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 6,54% vốn điều lệ
Số lượng cổ phần của Người có liên quan của Cổ đông lớn sở hữu tại LPBank:	Chu Thị Lan Hương, Phó Tổng Giám đốc, sở hữu 100.544 cổ phần, tương ứng 0,003% vốn điều lệ
Lợi ích liên quan đối với LPBank:	Tính đến 30/06/2026: - Tiền gửi tại LPBank : 457.399 triệu VND - Các khoản phải thu khác: 83.715 triệu VND - Lãi phải trả cho tiền gửi tại LPBank: 5.626 triệu VND - Chi phí lãi (lũy kế 6 tháng năm 2026): 145 triệu VND - Chi phí hoa hồng dịch vụ (lũy kế 6 tháng năm 2026): 409.975 triệu VND

Nguồn: LPBank

6. Cập nhật Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành tại Bản Cáo Bạch

6.1 Thông tin về các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi
 Tính đến thời điểm 28/08/2026, số dư trái phiếu LPBank đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 34.099.833.100.000 VND, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 5.629.833.100.000 VND
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 28.470.000.000.000 VND

Bảng 27: Thông tin về các trái phiếu đã phát hành

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị tại ngày 31/12/2024	Giá trị tại ngày 31/12/2025	Giá trị tại ngày 28/08/2026
Trái phiếu tăng vốn cấp 2	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	0	0	0
	Từ 5 năm trở lên	7.167	9.773	13.390
Trái phiếu thường	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	8.700	15.000	17.610
	Từ 5 năm trở lên	4.600	3.100	3.100
Tổng		20.467	27.873	34.100

Nguồn: LPBank

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

6.2 Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

Bảng 28: Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất tại thời điểm 30/06/2026

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
1	Tổng giá trị hợp đồng	69
2	Lũy kế tiền thuê tài sản đã phân bổ vào chi phí	12
3	Chi phí chờ phân bổ còn lại (đối với tài sản thuê trả trước)	37
4	Số tiền thuê nhà, đất cần tiếp tục giải ngân	20

Nguồn: LPBank

6.3 Các cam kết chưa thực hiện khác

Bảng 29: Thông tin về các cam kết chưa thực hiện tại thời điểm 30/06/2026

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)
1	Bảo lãnh vay vốn	12.096
2	Cam kết giao dịch hối đoái	138.244
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	<i>1.279</i>
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>	<i>1.331</i>
	<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>	<i>135.635</i>
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	173
4	Bảo lãnh khác	3.255
5	Các cam kết khác	12.021

Nguồn: BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của LPBank

7. Cập nhật Kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và dự kiến kế hoạch tại Bản Cáo Bạch

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất

a) Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

Bảng 30: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm	06 tháng đầu năm 2026
Tổng giá trị tài sản	508.330	605.585	19,13	615.502
Vốn chủ sở hữu	43.338	47.192	8,89	43.030
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	34.137	39.292	15,10	22.752
Thu nhập lãi thuần	15.394	16.034	4,16	7.767
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	3.211	3.199	-0,37	2.582
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	273	348	27,47	457
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	43	27	-37,21	8
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-1	111	11.200	87
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	938	2.051	118,66	278
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	75	112	49,33	33
Chi phí hoạt động	5.810	6.190	6,54	3.687
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí DPRR tín dụng	14.122	15.691	11,11	7.525
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.954	1.422	-27,23	1.552
Lợi nhuận trước thuế	12.168	14.269	17,27	5.973
Lợi nhuận sau thuế	9.721	11.422	17,50	4.800
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) (%)	25,10	25,23	0,52	21,46
Tỷ lệ trả cổ tức (%)	25,0	30,0	20,00	

Nguồn: LPBank

Kết thúc năm 2025, với kết quả đặc biệt ấn tượng LPBank đã hoàn thành các mục tiêu kinh doanh với một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

- Tổng Tài sản của Ngân hàng đạt 605.585 tỷ VND, tăng 19,13% so với cuối năm 2024;
- Quy mô vốn chủ sở hữu đạt 47.192 tỷ VND, tăng 8,89% so với cuối năm 2024;

Lợi nhuận sau thuế đạt 11.422 tỷ VND, tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng cao, tăng 17,50% so với năm 2024 (hoàn thành 97,24% kế hoạch năm), chủ yếu do Thu nhập lãi và các khoản thu nhập

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

tương tự của Ngân hàng đạt gần 39.292 tỷ VND, tăng 15,10% so với năm 2024. Bên cạnh đó, Lãi thuần từ hoạt động khác năm 2025 tăng 1.113 tỷ VND so với năm 2024, tương ứng tăng 118,68%. Kết thúc 06 tháng đầu năm 2026, Ngân hàng đạt 7.767 tỷ VND thu nhập lãi thuần và 4.800 tỷ VND lợi nhuận sau thuế.

b) Các chỉ tiêu khác

i. Cơ cấu lãi thuần

Cơ cấu lãi thuần của LPBank năm 2024, năm 2025 và 06 tháng đầu năm 2026 bao gồm 2 cấu phần chính: Thu nhập lãi thuần và Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ. Trong đó, cơ cấu Thu nhập lãi thuần (thu nhập ròng từ hoạt động tín dụng và các khoản thu nhập có tính chất lãi: thu nhập lãi từ tiền gửi, thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ) chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 77,23% trong năm 2024, 73,28% trong năm 2025 và 69,27% trong 06 tháng đầu năm 2026. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ (thu nhập ròng từ các hoạt động nghiệp vụ: nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ, nghiệp vụ ủy thác và tư vấn, đại lý bảo hiểm...) chiếm tỷ trọng cao thứ hai, đạt 16,11% trong năm 2024, 14,62% trong năm 2025 và 23,03% trong 06 tháng đầu năm 2026.

Bảng 31: Cơ cấu lãi thuần

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	06 tháng đầu năm 2026
Thu nhập lãi thuần	77,23%	73,28%	69,27%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	16,11%	14,62%	23,03%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1,37%	1,59%	4,08%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	0,22%	0,12%	0,07%
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-0,01%	0,51%	0,78%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	4,71%	9,37%	2,48%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0,38%	0,51%	0,29%
Tổng thu nhập thuần từ các hoạt động kinh doanh	100,00%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của LPBank

ii. Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng

LPBank liên tục tăng cường đầu tư phát triển hệ thống, mạng lưới mới theo cấp phép của NHNN làm tăng chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, hạ tầng công nghệ và đặc biệt là chi phí nhân sự, quản lý, phân bổ công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản, phân bổ chi phí cải tạo sửa chữa trụ sở ban đầu làm tăng chi phí hoạt động của Ngân hàng.

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

Trong giai đoạn 2024 - 2025, Tỷ lệ CIR (chi phí/thu nhập) của LPBank đã được cải thiện từ mức 29,15% năm 2024 xuống còn 28,29% trong năm 2025. Tỷ trọng Chi phí lãi và các chi phí tương tự trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự tăng từ 54,91% năm 2024 lên 59,19% trong năm 2025. Tỷ trọng Chi phí hoạt động dịch vụ trong Thu nhập từ hoạt động dịch vụ đã giảm từ 10,66% năm 2024 xuống mức 8,89% trong năm 2025. Tỷ trọng Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong năm 2025 là 9,06%, giảm mạnh so với tỷ trọng này năm 2024 là 13,84%.

Trong 06 tháng đầu năm 2026, tỷ trọng chi phí lãi và các chi phí tương tự trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự, chi phí hoạt động dịch vụ trong Thu nhập từ hoạt động dịch vụ, chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác) trong Thu nhập hoạt động, chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng lần lượt là 65,87%, 6,04%, 32,88% và 20,62%.

Bảng 32: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng*Đơn vị: tỷ Đồng*

TT	Chỉ tiêu	2024	2025	% tăng/ giảm	06 tháng đầu năm 2026
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	18.743	23.257	24,08%	14.986
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	54,91%	59,19%		65,87%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	383	312	-18,54%	166
	Tỷ trọng trong Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	10,66%	8,89%		6,04%
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	5.810	6.190	6,54%	3.687
	Tỷ trọng trong Thu nhập hoạt động	29,15%	28,29%		32,88%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.954	1.422	-27,23%	1.552
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	13,84%	9,06%		20,62%

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của LPBank

iii. Cơ cấu chi phí hoạt động

Trong cơ cấu chi phí hoạt động của LPBank, Chi phí cho nhân viên có tỷ trọng cao nhất trong tổng Chi phí hoạt động và có xu hướng giảm trong giai đoạn 2024 - 2025. Cụ thể, tỷ trọng Chi phí cho nhân viên giảm từ 54,22% năm 2024 xuống 51,21% năm 2025. Tỷ trọng Chi về tài sản có tỷ trọng cao thứ hai trong tổng Chi phí hoạt động, chiếm 23,78% trong năm 2025, so với mức 20,19% năm 2024. Tỷ trọng Chi cho hoạt động quản lý công vụ cao thứ ba trong tổng Chi phí hoạt động, chiếm



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

17,50% trong năm 2025, so với mức 18,14% năm 2024. Trong 06 tháng đầu năm 2026, tỷ trọng Chi phí cho nhân viên, Chi về tài sản và Chi cho hoạt động quản lý công vụ trong tổng Chi phí hoạt động lần lượt là 58,10%, 21,43% và 12,58%.

Bảng 33: Cơ cấu chi phí hoạt động

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/ giảm	06 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	129	2,22	110	1,79	-17,83	79	2,14
Chi phí cho nhân viên	3.151	54,22	3.170	51,21	-2,57	2.142	58,10
Chi về tài sản	1.173	20,19	1.472	23,78	14,66	790	21,43
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	1.054	18,14	1.083	17,50	-4,01	464	12,58
Chi phí nộp phí bảo hiểm, bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	282	4,85	336	5,43	18,99	190	5,15
Chi phí dự phòng khác	0	0,00	8	0,13	-100,00	20	0,54
Chi phí hoạt động khác	22	0,38	11	0,18	100,00	2	0,05
Tổng Chi phí hoạt động	5.811	100,00	6.190	100,00	0,89	3.687	100,00

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của LPBank

c) Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

7.2 Các chỉ tiêu cơ bản

- **Tình hình công nợ**

Bảng 34: Các khoản phải thu và phải trả khác

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I	Nợ phải thu	7.038	8.007	8.172
1	Các khoản phải thu	1.536	1.302	1.114
2	Các khoản lãi, phí phải thu	4.746	5.029	4.710
3	Tài sản Có khác	762	1.691	2.356

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

4	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	-6	-14	-8
II	Nợ phải trả	9.741	11.160	11.091
1	Các khoản lãi, phí phải trả	7.817	9.456	9.729
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	1.924	1.703	1.362

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của LPBank

- Trái phiếu chưa đáo hạn

Bảng 35: Danh sách trái phiếu chưa đáo hạn tại 28/08/2025

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
I	Năm 2019					
Trái phiếu riêng lẻ						
1	LPB10Y192901	19/07/2019	3.100.000.000.000	Cố định	10	Trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản bảo đảm và không kèm chứng quyền
II	Năm 2021					
Trái phiếu ra công chúng						
1	LPB10Y202102	30/12/2021	173.100.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
III	Năm 2022					
Trái phiếu ra công chúng						
1	LPB10Y202104	28/02/2022	93.169.600.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	LPB10Y202202	30/12/2022	101.230.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền,

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
						là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
IV Năm 2023						
Trái phiếu riêng lẻ						
1	LPBL2326008	28/12/2023	2.000.000.000.000	Thả nổi	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
2	LPBL2326009	29/12/2023	1.000.000.000.000	Thả nổi	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
Trái phiếu ra công chúng						
1	LPB10Y202204	30/06/2023	237.042.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	LPB10Y202206	15/09/2023	8.703.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
V Năm 2024						
Trái phiếu riêng lẻ						
1	LPBL2431002	13/09/2024	420.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	LPBL2431003	24/09/2024	1.000.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	LPBL2431004	30/09/2024	160.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền,

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
						là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	LPBL2431005	02/10/2024	330.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
5	LPBL2431007	28/10/2024	100.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	LPBL2431008	13/11/2024	200.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
VI Năm 2025						
Trái phiếu riêng lẻ						
1	LPB12506	10/09/2025	1.500.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
2	LPB12507	15/09/2025	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
3	LPB12508	29/09/2025	200.000.000.000	Thả nổi	08	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	LPB12509	13/10/2025	350.000.000.000	Thả nổi	08	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
5	LPB12510	20/10/2025	300.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền,

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
						là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	LPB12511	28/10/2025	2.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
7	LPB12512	29/10/2025	2.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
8	LPB12513	30/10/2025	200.000.000.000	Thả nổi	08	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
9	LPB12514	27/11/2025	1.500.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
10	LPB12515	29/12/2025	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
Trái phiếu ra công chúng						
1	LPB7Y202401	05/03/2025	2.900.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	LPB10Y202402	05/03/2025	100.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	LPB7Y202403	13/10/2025	900.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
4	LPB10Y202404	13/10/2025	100.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
VII Năm 2026						
Trái phiếu riêng lẻ						
1	LPB12601	22/05/2026	10.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	LPB12603	03/06/2026	10.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
3	LPB12604	09/06/2026	100.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
4	LPB12605	15/06/2026	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
5	LPB12602	19/06/2026	2.990.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	LPB12606	22/06/2026	1.000.000.000.000	Cố định	02	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
7	LPB12607	24/06/2026	2.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
8	LPB12608	30/06/2026	3.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
Trái phiếu ra công chúng						

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
1	LPB7Y202501	30/03/2026	14.703.500.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	LPB8Y202502	30/03/2026	1.001.785.000.000	Thả nổi	08	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	LPB10Y202503	30/03/2026	100.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
Tổng			34.099.833.100.000			

Nguồn: LPBank

- Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 36: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2024	Phát sinh trong năm		Số dư tại 31/12/2025	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 30/06/2026
		Số phải nộp	Số đã nộp		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	12	49	55	6	40	37	9
Thuế TNDN	680	2.846	2.600	926	1.173	1.474	626
Các loại thuế, phí, lệ phí và phải nộp khác	14	662	643	33	567	534	65
Tổng	706	3.557	3.298	965	1.780	2.045	701

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của LPBank

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

- Trích lập các quỹ

Bảng 37: Tình hình trích lập các quỹ

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Trích lập các quỹ	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	279	972	1.142
2	Quỹ dự phòng tài chính	557	972	1.028
3	Quỹ khen thưởng	500	100	0
Tổng		1.336	2.044	2.170

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024, năm 2025 và năm 2026 của LPBank

7.3 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 38: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	<i>tỷ Đồng</i>	25.576	29.873	29.873
Vốn tự có	<i>tỷ Đồng</i>	52.216	55.956	57.665
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	13,33	11,87	11,18
2. Chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	2,55	2,66	3,10
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,57	1,68	1,85
- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	66,71	64,81	71,24
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	98,47	98,44	98,52
3. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	15,54	14,35	13,33
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	23,40	20,63	22,25
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	74,21	70,64	76,55
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	31,42	31,52	26,70
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,73	2,56	1,97
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	3,53	3,26	2,60
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,18	2,05	1,59
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	25,10	25,23	21,46
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	3.254	3.824	1.607
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	16,11	14,62	23,03
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	26,39	22,42	43,23

Nguồn: LPBank

Lưu ý: Các chỉ tiêu nêu trên được LPBank áp dụng theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 do NHNN ban hành quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định, hướng dẫn hiện hành của NHNN.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

7.4 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổ Chức Phát Hành

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2025 của LPBank. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán tại BCTC kiểm toán năm 2025 là ý kiến chấp thuận toàn phần. Cụ thể như sau:

- BCTC năm 2025 kiểm toán

Ý kiến của Kiểm toán viên theo báo cáo kiểm toán số 0936/VNIA-HN-BC ngày 30/03/2026 của Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam: "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

- BCTC giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 đã được soát xét

Ý kiến của Kiểm toán viên theo báo cáo kiểm toán số 0208/VNIA-HN-BC ngày 14/08/2026 của Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam: "Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ."

7.5 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Bảng 39: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Năm 2026 (*)	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2025
Thu nhập lãi thuần (tỷ Đồng)	16.034	19.103	19,14%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ Đồng)	11.422	11.836	3,62%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần	71,24%	61,96%	-9,28%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	25,23%	24,34%	-0,89%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	30,00% (**)	- (***)	-

Nguồn: LPBank

(*) Nghị quyết số 1591/2026/NQ-BOD ngày 08/09/2026 phê duyệt Phương án phát hành, Phương án triển khai chào bán và Phương án sử dụng vốn Trái phiếu phát hành ra công chúng LPBank năm 2025 Đợt 2.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của LPBank ngày 28/04/2026, về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2025 là 30,00%. Trong 06 tháng đầu năm 2026, LPBank đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2025 cho cổ đông.

(***) Đại hội đồng cổ đông LPBank chưa có kế hoạch chi trả cổ tức năm 2026.

Kết thúc 06 tháng đầu năm 2026, Ngân hàng đạt 7.767 tỷ VND thu nhập lãi thuần và 4.800 tỷ VND lợi nhuận sau thuế, lần lượt hoàn thành 40,66% và 40,55% so với kế hoạch năm.

B. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Cập nhật thông tin về Tổ Chức Phát Hành và Đối tác liên quan tới đợt chào bán tại Bản Cáo Bạch

1.1. Cập nhật Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành tại Bản Cáo Bạch

- Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 33/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 24/06/2026.

(Theo Quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật Các TCTD có hiệu lực từ ngày 01/07/2024, Giấy phép thành lập và hoạt động của TCTD đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).

1.2. Cập nhật thông tin của Tổ Chức Tư Vấn, Đại Lý Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký tại Bản Cáo Bạch

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPS (tên cũ: Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank)

- Địa chỉ: Tầng 4, Cao ốc Văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: *1268 hoặc (84 28) 73 098 198 Fax: (84 24) 39 412 708
- Website: <https://www.lpbs.com.vn>

2. Cập nhật Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển tại Bản Cáo Bạch

Bổ sung mốc sự kiện quan trọng trong năm 2026:

- Ngày 08/01/2026, được vinh danh Top 50 doanh nghiệp xuất sắc Việt Nam 2025 (Top 50 Vietnam The Best). LPBank xếp vị trí thứ 17 toàn bảng xếp hạng và thứ 8 trong nhóm ngân hàng.
- Ngày 28/03/2026, chính thức giới thiệu LPBank Plus - ứng dụng ngân hàng số thế hệ mới phát triển theo định hướng AI-first, tích hợp trí tuệ nhân tạo vào trải nghiệm giao dịch.
- Ngày 06/08/2026, được vinh danh tại hai bảng xếp hạng uy tín do Vietnam Report phối hợp Báo VietNamNet tổ chức: Top 50 Công ty Đại chúng uy tín và hiệu quả (VIX50) và Top 10 Ngân hàng TMCP Việt Nam uy tín. LPBank vươn lên Top 3 VIX50, tăng 8 bậc so với năm 2025, và Top 6 ngân hàng TMCP Việt Nam uy tín, khẳng định hiệu quả từ chiến lược đổi mới toàn diện, quản trị hiện đại và chuyển đổi số.

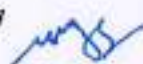
3. Cập nhật Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành tại Bản Cáo Bạch

Cơ cấu tổ chức của LPBank bao gồm 08 Khối, cụ thể:

- | | |
|---|----------------------------------|
| • Ngân hàng Doanh nghiệp | • Khối Kiểm toán nội bộ |
| • Ngân hàng Bán lẻ | • Khối Nhân sự và Dịch vụ nội bộ |
| • Khối Thị trường và Quản trị Tài chính | • Khối Quản trị rủi ro |
| • Khối Vận hành | • Khối Công nghệ Thông tin |

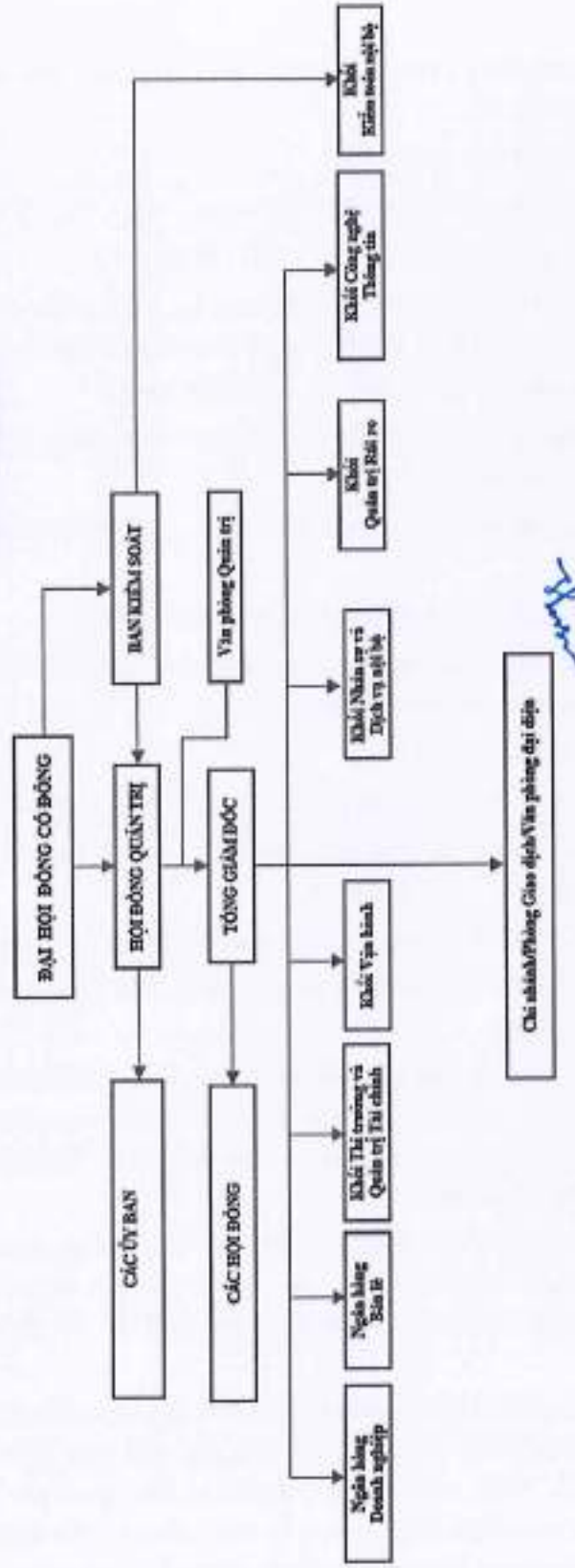
Các Khối thuộc sự điều hành của Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối. Mỗi Khối được chia làm nhiều Phòng, được phân chia theo định hướng khách hàng và thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn riêng trong mục tiêu chung của Ngân hàng, nhằm đảm bảo phát huy tối đa những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên trong việc phục vụ khách hàng. Giữa các Khối có sự trao đổi thông tin thường xuyên thông qua các cuộc họp Ban Điều hành và họp giao ban toàn hệ thống.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



4. Cập nhật Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng tại Bản Cáo Bạch

Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của LPBank



• **Đại Hội đồng Cổ đông**

ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng. ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
- Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;
- Thông qua quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT, BKS;
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT, BKS từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ của Ngân hàng;
- Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS;
- Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho LPBank và cổ đông của Ngân hàng;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng;
- Thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
- Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;
- Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;
- Thông qua BCTC hàng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;
- Thông qua báo cáo của HĐQT, BKS về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, Công ty con của Ngân hàng;
- Thông qua phương án góp vốn, mua bán cổ phần của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong BCTC đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong BCTC đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong BCTC đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, cổ đông lớn, người có liên quan của Người quản lý, thành viên BKS, cổ đông lớn của Ngân hàng; Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;



- Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;
- Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của LPBank;
- Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và pháp luật có liên quan.

▪ **Hội đồng Quản trị**

HĐQT là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT:

- Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;
- Quyết định việc thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng;
- Cử người đại diện vốn góp của LPBank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của HĐQT;
- Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác có giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong BCTC đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong BCTC đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
- Quyết định các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Luật các TCTD, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
- Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của LPBank ghi trong BCTC đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ giữa LPBank với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, cổ đông lớn của LPBank; người có liên quan của người quản lý, thành viên BKS, cổ đông lớn của LPBank; công ty con, công ty liên kết của LPBank;
- Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của LPBank ghi trong BCTC đã được kiểm toán gần nhất;
- Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo TGD thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hàng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của TGD;

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

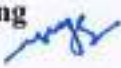
- Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của Luật Các TCTD và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của BKS hoặc của ĐHĐCĐ;
- Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của LPBank;
- Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của tổ chức tín dụng;
- Quyết định mua lại cổ phần của LPBank theo phương án được duyệt;
- Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS;
- Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ;
- Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, BKS, TGD;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và pháp luật có liên quan.

▪ Ban Kiểm Soát

BKS là cơ quan đại diện cho cổ đông, có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành của Ngân hàng trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ của Ngân hàng;
- Ban hành quy định nội bộ của BKS; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, quy định nội bộ của LPBank về kế toán và báo cáo;
- Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của BKS;

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

- Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định BCTC 06 (sáu) tháng đầu năm và hàng năm của Ngân hàng; báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định BCTC, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập BCTC. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
 - Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của LPBank thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. Định kỳ hàng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho ĐHĐCĐ, HĐQT;
 - Giám sát việc chấp hành các quy định về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của LPBank;
 - Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của LPBank khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ;
 - (ii) Theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn, phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
 - Kịp thời thông báo cho ĐHĐCĐ, HĐQT khi phát hiện Người quản lý, Người điều hành LPBank có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của LPBank, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có;
 - Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 1% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD của LPBank, cổ đông sở hữu từ 1% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này;
 - Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ;
 - Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ;
 - Kịp thời báo cáo Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật;
 - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng và các văn bản khác của LPBank.
- **Ban Điều hành và Kế toán trưởng** 

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

Ban Điều hành gồm TGD và 05 Phó Tổng Giám đốc quản lý điều hành các Khối nghiệp vụ và các khu vực của Ngân hàng. Kế toán trưởng thực hiện quản lý về mặt tài chính - kế toán trong toàn hệ thống LPBank. Các thành viên trong Ban Điều hành và Kế toán trưởng đều là những chuyên gia với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, pháp lý, kinh doanh. TGD có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng;
- Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả;
- Lập và trình HĐQT thông qua hoặc đề báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua BCTC. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của BCTC, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;
- Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý;
- Báo cáo HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng;
- Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo HĐQT;
- Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ của LPBank trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền;
- Đề nghị HĐQT hợp bất thường theo quy định của Luật Các TCTD;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh LPBank theo quy định của Điều lệ này và quy định nội bộ của LPBank;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của LPBank;
- Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, quy định nội bộ của Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.
- **Các Ủy ban:** Tham mưu và giúp việc cho HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.
- **Các Hội đồng:** Tham mưu và giúp việc cho Tổng Giám đốc trong các vấn đề do từng Hội đồng phụ trách.
- **Ngân hàng Doanh nghiệp**

Xây dựng định hướng, chiến lược kinh doanh và tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh phân khúc khách hàng doanh nghiệp, cung cấp trọn gói các giải pháp tài chính phù hợp, kiểm soát tối đa rủi ro.



▪ **Ngân hàng Bán lẻ**

Xây dựng chiến lược kinh doanh, phát triển thị trường và tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh, cung cấp trọn gói các sản phẩm dịch vụ dành cho KHCN/Hộ kinh doanh trên Kênh Ngân hàng/Kênh PGDBĐ/Kênh số do Ngân hàng Bán lẻ phụ trách theo từng phân đoạn thị trường, khẩu vị rủi ro và định hướng kinh doanh của LPBank.

▪ **Khối Thị trường và Quản trị Tài chính**

- Xây dựng chiến lược và tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh trên thị trường vốn, thị trường tiền tệ và thị trường ngoại hối với các khách hàng trong nước và quốc tế thông qua các nghiệp vụ kinh doanh thị trường tiền tệ, kinh doanh chứng khoán nợ, kinh doanh ngoại tệ, kinh doanh các sản phẩm phái sinh, và kinh doanh các sản phẩm/công cụ tài chính khác trong phạm vi các hạn mức và trạng thái theo quy định;
- Thực hiện quản lý Tài sản Nợ và Có và quản lý trạng thái ngoại tệ của toàn hệ thống;
- Xây dựng, tổ chức triển khai và quản trị hoạt động tài chính kế toán đảm bảo hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật.

▪ **Khối Kiểm toán nội bộ**

- Kiểm tra, đánh giá và xác nhận mức độ đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Tư vấn các giải pháp, biện pháp khắc phục sai sót, tham gia vào quá trình xây dựng, cải tiến và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

▪ **Khối Nhân sự và Dịch vụ nội bộ**

- Xây dựng chiến lược phát triển và quản lý nguồn nhân lực toàn hệ thống phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của LPBank và tổ chức thực hiện, quản lý tập trung các chính sách, chương trình về quản trị phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao và phát triển năng lực đội ngũ nhân sự trên toàn hệ thống;
- Tổ chức thực hiện công tác hành chính văn phòng hiệu quả, chuyên nghiệp, đảm bảo hỗ trợ hoạt động kinh doanh; quản lý hoạt động của các Văn phòng đại diện theo quy định;
- Tổ chức thực hiện công tác quản lý, phát triển mạng lưới hệ thống và công tác xây dựng cơ bản.

▪ **Khối Quản trị rủi ro**

- Chịu trách nhiệm thực hiện công tác kiểm tra, giám sát nội bộ đối với các hoạt động nghiệp vụ của các Đơn vị trên toàn hệ thống để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm, lỗi hệ thống (nếu có), từ đó đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm ngăn ngừa và hạn chế rủi ro cho hệ thống;
- Tổ chức triển khai và quản lý hoạt động thẩm định tín dụng; công tác thẩm định giá TSBD, tài sản thanh lý, thuê/mua địa điểm và hoạt động phê duyệt tín dụng cho các khách hàng trên toàn hệ thống LPBank đảm bảo chất lượng, tiến độ và kiểm soát rủi ro tốt;
- Tổ chức triển khai và quản lý hoạt động quản trị nợ và xử lý nợ trên toàn hệ thống;

- Tham mưu về các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình quản trị, điều hành và tư vấn cho các Đơn vị trong công tác áp dụng và thực thi pháp luật trong toàn hệ thống LPBank, đảm bảo tuân thủ các quy định của LPBank và pháp luật;
- Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất phương thức xây dựng và vận hành hệ thống quản lý rủi ro, các rủi ro trọng yếu của LPBank bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro tập trung, rủi ro CNTT, rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng, rủi ro môi trường và xã hội, nhằm đảm bảo LPBank hoạt động an toàn, hiệu quả theo chiến lược phát triển đã được phê duyệt và tuân thủ quy định pháp luật;
- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng chính sách, quy định nội bộ và hệ thống về phòng, chống rửa tiền; phòng, chống khủng bố và phòng, chống tài trợ khủng bố; phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; triển khai tuân thủ cấm vận và triển khai tuân thủ FATCA tại LPBank nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và đảm bảo hoạt động của LPBank an toàn, hiệu quả theo chiến lược đã được phê duyệt;
- Xây dựng và triển khai các chính sách tín dụng, tài sản bảo đảm đồng bộ, nhất quán phù hợp chiến lược phát triển của LPBank nhằm tối ưu hóa quá trình ra quyết định tín dụng, nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong quản lý rủi ro và đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và các chuẩn mực quốc tế về quản trị rủi ro. Thực hiện đánh giá chất lượng định giá, thẩm định, phê duyệt cấp tín dụng.

▪ **Khối Vận hành**

Khối Vận hành thực hiện xây dựng chiến lược, chính sách, quy định, tiêu chuẩn và tổ chức triển khai, quản lý các hoạt động vận hành trên toàn hệ thống theo mô hình tập trung giảm thiểu các rủi ro, tổn thất phát sinh, tăng năng suất và chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, bao gồm cả khách hàng nội bộ và khách hàng bên ngoài.

▪ **Khối Công nghệ Thông tin**

Khối Công nghệ thông tin thực hiện các nhiệm vụ chính bao gồm: xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển CNTT phù hợp với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng; quản lý và vận hành hệ thống CNTT đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động kinh doanh; quản trị, kiểm trúc, phân tích và khai thác dữ liệu và định hướng hoạt động chuyển đổi số trên phạm vi toàn hàng.

▪ **Chi nhánh**

- Thực hiện kinh doanh trực tiếp, cung cấp các giải pháp và sản phẩm dịch vụ cho khách hàng;
- Quảng bá thương hiệu của Ngân hàng, đầu mối đại diện cho Ngân hàng trong việc xây dựng và phát triển các mối quan hệ giữa Ngân hàng với các đơn vị liên quan, các đối tác, tổ chức kinh tế xã hội và cơ quan quản lý Nhà nước tại địa bàn;
- Quản lý, giám sát hoạt động của các Phòng Giao dịch và Phòng Giao dịch nâng cấp từ PGDBĐ trực thuộc Chi nhánh.

5. Cập nhật Thông tin thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng tại Bản Cáo Bạch

5.1 Cập nhật Thông tin chi tiết của từng thành viên HĐQT



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

5.1. Danh sách thành viên HĐQT

Bảng 23: Danh sách thành viên HĐQT tại ngày 14/08/2026

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hồ Nam Tiến	Chủ tịch HĐQT
2	Bùi Thái Hà	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Phạm Phú Khôi	Phó Chủ tịch - Thành viên độc lập HĐQT
4	Huỳnh Ngọc Huy	Thành viên HĐQT
5	Dương Hoài Liên	Thành viên HĐQT
6	Phạm Quang Hưng	Thành viên độc lập HĐQT

Nguồn: LPBank

5.1.1 Ông Hồ Nam Tiến - Chủ tịch HĐQT

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 796.571 cổ phần, tương ứng 0,0267% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2025 và 07 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản (triệu Đồng)		Lợi ích khác	
Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026	ESOP	Cổ tức
1.200	3.413	Không có	+ Năm 2025: 1.991.427.500 VND + 07 tháng đầu năm 2026: 2.389.713.000 VND

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/07/2026: Không có

5.1.2 Ông Bùi Thái Hà - Phó Chủ tịch HĐQT

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 1.443.312 cổ phần, tương ứng 0,0483% vốn cổ phần

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 11.382 cổ phần, tương ứng 0,0004% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2025 và 07 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản (triệu Đồng)		Lợi ích khác	
Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026	ESOP	Cổ tức
1.200	2.206	Không có	+ Năm 2025: 3.608.280.000 VND + 07 tháng đầu năm 2026: 4.329.936.000 VND

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/07/2026: Không có

5.1.3 Ông Phạm Phú Khôi - Phó Chủ tịch - Thành viên độc lập HĐQT

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2025 và 07 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản (triệu Đồng)		Lợi ích khác	
Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026	ESOP	Cổ tức
1.200	1.979	Không có	+ Năm 2025: Không có + 07 tháng đầu năm 2026: Không có

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/07/2026: Không có

5.1.4 Ông Huỳnh Ngọc Huy - Thành viên HĐQT

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 856.022 cổ phần, tương ứng 0,0287% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2025 và 07 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản (triệu Đồng)		Lợi ích khác	
Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026	ESOP	Cổ tức
1.200	1.237	Không có	+ Năm 2025: 2.140.055.000 VND + 07 tháng đầu năm 2026: 2.568.066.000 VND

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/07/2026: Không có

5.1.5 Bà Dương Hoài Liên - Thành viên HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1981
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2004 - 2005	Cán bộ tín dụng	Ngân hàng VIB - Sở Giao dịch
10/2005 - 07/2007	Cán bộ tín dụng	Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Hà Nội
08/2007 - 09/2009	Cán bộ tái thẩm định	Ngân hàng Sacombank - Hội sở
10/2009 - 06/2010	Trưởng phòng	Ngân hàng Sacombank - PGD Hà Tây
07/2010 - 04/2014	Trưởng phòng Kinh doanh	Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Đồng Đa

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

05/2014 - 02/2018	Phó Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh 8/3 Hà Nội
04/2018 - 23/04/2023	Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
23/04/2023 - 04/2026	Trưởng BKS	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (tên cũ là Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt)
04/2026 - Nay	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 159.840 cổ phần, tương ứng 0,0054% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT: Không có
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024, 2025 và 07 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản (triệu Đồng)			Lợi ích khác	
Năm 2024	Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026	ESOP	Cổ tức
960	960	1.902	Không có	+ Năm 2024: 22.990 cổ phiếu + Năm 2025: 399.600.000 VND + 07 tháng đầu năm 2026:

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

				479.520.000 VND
--	--	--	--	--------------------

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/07/2026: Không có

5.1.6 Phạm Quang Hưng - Thành viên độc lập HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1983
- Trình độ học vấn:
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Khoa học và Công Nghệ
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
08/2006 - 03/2009	Chuyên viên tư vấn	Công ty Mercer
03/2009 - 04/2011	Chuyên viên tư vấn cao cấp	Công ty Deloitte
06/2011 - 10/2013	Trưởng phòng Định Phí	Công ty Mazars Assurance Vie, Paris, Pháp
02/2014 - 02/2015	Trưởng phòng Định Phí	Công ty TNHH BHNT Sun Life Việt Nam (tên cũ là PVI Sun Life)
03/2015 - 06/2019	Chuyên gia tính toán được chỉ định kiểm Quản lý rủi ro	Công ty TNHH BHNT Fubon Việt Nam
12/2019 - 07/2020	Giám đốc của Phòng Hợp tác và Phát triển các kênh phân phối, Phòng Định phí bảo hiểm	Công ty TNHH BHNT Cathay Việt Nam
07/2020 - 10/2025	Phó Tổng Giám đốc	Công ty TNHH BHNT Cathay Việt Nam
12/2025 - 02/2026	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	Tổng Công ty Bảo hiểm LPBank
02/2026 - 06/2026	Thành viên độc lập HĐQT	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank
06/2026 - Nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Sacom
04/2026 - Nay	Thành viên độc lập HĐQT	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: Thành viên độc lập HĐQT

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Sacom
- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 5 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT: Không có
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024, 2025 và 07 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản (triệu Đồng)			Lợi ích khác	
Năm 2024	Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026	ESOP	Cổ tức
0	0	314	Không có	+ Năm 2024: Không có + Năm 2025: 12.500 VND + 07 tháng đầu năm 2026: 15.000 VND

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/07/2026: Không có

5.2 Cập nhật Thông tin chi tiết của từng thành viên BKS

Bảng 24: Danh sách thành viên BKS tại ngày 14/08/2026

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phùng Thị Thu Hiền	Trưởng BKS
2	Trần Thanh Tùng	Phó Trưởng BKS
3	Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên BKS
4	Trịnh Thị Thanh Hằng	Thành viên BKS

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

5	Phạm Thị Thơm	Thành viên BKS
---	---------------	----------------

Nguồn: LPBank

Thông tin chi tiết của từng thành viên như sau:

5.2.1 Bà Phùng Thị Thu Hiền - Trưởng BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1984
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Rủi ro - Ngân hàng tài chính
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
05/2009 - 06/2012	Chuyên viên Quản lý rủi ro	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
06/2012 - 01/2015	Trưởng bộ phận Quản lý rủi ro	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
01/2015 - 06/2018	Phó Trưởng phòng Quản lý rủi ro	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
06/2018 - 01/2022	Trưởng phòng Quản lý rủi ro	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
01/2022 - 4/2026	Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (tên cũ là Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt)
4/2026 - 5/2026	Thành viên BKS	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam
5/2026 - Nay	Trưởng BKS	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: Trưởng BKS
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 37.117 cổ phần, tương ứng 0,0012% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 3 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

- Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS: Không có
- Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024, năm 2025 và 07 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản (triệu Đồng)			Lợi ích khác	
Năm 2024	Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026	ESOP	Cổ tức
446	391	907	Không có	+ Năm 2024: 5.338 cổ phiếu + Năm 2025: 92.792.500 VND + 07 tháng đầu năm 2026: 111.351.000 VND

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/07/2026: Không có

5.2.2 Ông Trần Thanh Tùng - Phó Trưởng BKS

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 368.446 cổ phần, tương ứng 0,0123% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2025 và 07 tháng đầu năm 2026 như sau:



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

Thù lao cơ bản (triệu Đồng)		Lợi ích khác	
Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026	ESOP	Cổ tức
720	778	Không có	+ Năm 2025: 921.115.000 VND + 07 tháng đầu năm 2026: 1.105.338.000 VND

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/07/2026: Không có

5.2.3 Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thành viên BKS

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 8.256 cổ phần, tương ứng 0,0003% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm năm 2025 và 07 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản (triệu Đồng)		Lợi ích khác	
07 tháng đầu năm 2026	07 tháng đầu năm 2026	ESOP	Cổ tức
736	420	Không có	+ Năm 2025: Không có + 07 tháng đầu năm 2026: Không có

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/07/2026: Không có

5.2.4 Bà Trịnh Thị Thanh Hằng - Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1976
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác:



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
09/1998 - 06/1999	Giáo viên	Trường PTTH dân lập Hồng Bàng
06/1999 - 12/2008	Nhân viên Công nghệ thông tin	Ngân hàng TMCP Quân đội
12/2008 - 03/2010	Nhân viên Tài chính kế toán	Ngân hàng TMCP Quân đội
04/2010 - 04/2015	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
11/2010 - 08/2015	Kiểm soát viên	Công ty TNHH Thu hồi nợ AMC VPBank (AMC VPBank)
08/2015 - 04/2017	Kiểm soát viên chuyên trách	Công ty TNHH Thu hồi nợ AMC VPBank (AMC VPBank)
04/2017 - 04/2025	Thành viên BKS chuyên trách	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
04/2026 - Nay	Thành viên BKS	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: Thành viên BKS
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 27.264 cổ phần, tương ứng 0,0009% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 266 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS: Không có
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024, năm 2025 và 07 tháng đầu năm 2026 như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

Thù lao cơ bản (triệu Đồng)			Lợi ích khác	
Năm 2024	Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026	ESOP	Cổ tức
0	0	439	Không có	+ Năm 2024: 3.921 cổ phiếu + Năm 2025: 68.160.000 VND + 07 tháng đầu năm 2026: 81.792.000 VND

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/07/2026: Không có

5.2.5 Bà Phạm Thị Thơm - Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1969
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
03/1991 - 01/1992	Nhân viên Hành chính	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh Hà Nội
02/1992 - 09/2001	Nhân viên Kế toán	Agribank - Chi nhánh Hà Nội.
10/2001 - 09/2003	Phó phòng Kế toán	Agribank - Chi nhánh Hà Nội
10/2003 - 12/2005	Trưởng phòng Kế toán tại Agribank	Chi nhánh Hà Nội, phụ trách quản lý chung và trực tiếp mảng tài chính
01/2006 - 09/2006	Chuyên viên Vụ Tài chính kế toán	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nhiệm vụ xây dựng chính sách.

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
10/2006 - 12/2008	Phó phòng Chế độ Vụ Tài chính kế toán	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, xây dựng chính sách kế toán của tổ chức tín dụng.
01/2009 - 03/2021	Trưởng phòng Chế độ Vụ Tài chính kế toán	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, xây dựng chính sách kế toán tổ chức tín dụng và Ngân hàng Nhà nước.
07/2009 - 03/2019	Thành viên BKS	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank).
04/2021 - 10/2025	Thành viên BKS	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank).
04/2026 - Nay	Thành viên BKS	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành: Thành viên BKS
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS: Không có
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024, năm 2025 và 07 tháng đầu năm 2026 như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

Thủ lao cơ bản (triệu Đồng)			Lợi ích khác	
Năm 2024	Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026	ESOP	Cổ tức
0	0	439	Không có	+ Năm 2024: Không có + Năm 2025: Không có + 07 tháng đầu năm 2026: Không có

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/07/2026: Không có

5.3 Cập nhật Danh sách Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 25: Danh sách Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng tại ngày 14/08/2025

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Quốc Khánh	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Ánh Vân	Phó Tổng Giám đốc
3	Đoàn Nguyên Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
4	Vũ Nam Hương	Phó Tổng Giám đốc
5	Đặng Công Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
6	Nguyễn Tiến Công	Kế toán trưởng

Nguồn: LPBank

5.3. Cập nhật Thông tin chi tiết của từng thành viên Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

5.3.1. Ông Vũ Quốc Khánh - Tổng Giám đốc

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 1.261.930 cổ phần, tương ứng 0,0422% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Lương và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản lương và lợi ích khác của thành viên Ban Điều hành được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2025 và 07 tháng đầu năm 2026 như sau:

Lương cơ bản (triệu Đồng)		Lợi ích khác	
Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026	ESOP	Cổ tức
1.174	1.430	Không có	+ Năm 2025: 3.154.825.000 VND + 07 tháng đầu năm 2026: 3.785.790.000 VND

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/07/2026: Không có

5.3.2. Bà Nguyễn Ánh Vân - Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 1.168.951 cổ phần, tương ứng 0,0391% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 356.693 cổ phần, tương ứng 0,0119% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Lương và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản lương và lợi ích khác của thành viên Ban Điều hành được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2025 và 07 tháng đầu năm 2026 như sau:

Lương cơ bản (triệu Đồng)		Lợi ích khác	
Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026	Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026
939	842	Không có	+ Năm 2025: 2.922.377.500 VND + 07 tháng đầu năm 2026: 3.506.853.000 VND

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/07/2026: Không có

5.3.3. Ông Đoàn Nguyên Ngọc - Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 127 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025**- Lợi ích liên quan đối với LPBank:**

- Lương và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản lương và lợi ích khác của thành viên Ban Điều hành được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2025 và 07 tháng đầu năm 2026 như sau:

Lương cơ bản (triệu Đồng)		Lợi ích khác	
Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026	Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026
939	551	Không có	+ Năm 2025: Không có + 07 tháng đầu năm 2026: Không có

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/07/2026: Không có

5.3.4. Bà Vũ Nam Hương - Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:

- Lương và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản lương và lợi ích khác của thành viên Ban Điều hành được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2025 và 07 tháng đầu năm 2026 như sau:

Lương cơ bản (triệu Đồng)		Lợi ích khác	
Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026	Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026
1.035	842	Không có	+ Năm 2025: Không có + 07 tháng đầu năm 2026: Không có

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/07/2026: Không có

5.3.5. Ông Đặng Công Hoàn - Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 85 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2025 của thành viên Ban Điều hành được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2025 và 07 tháng đầu năm 2026 như sau:

Lương cơ bản (triệu Đồng)		Lợi ích khác	
Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026	Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026
704	842	Không có	+ Năm 2025: Không có + 07 tháng đầu năm 2026: Không có

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/07/2026: Không có

5.3.6. Ông Nguyễn Tiến Công - Kế toán trưởng

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/07/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2025 của thành viên Ban Điều hành được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2025 và 07 tháng đầu năm 2026 như sau:

Lương cơ bản (triệu Đồng)		Lợi ích khác	
Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026	Năm 2025	07 tháng đầu năm 2026
370	221	Không có	+ Năm 2025: Không có + 07 tháng đầu năm 2026: Không có

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/07/2026: Không có



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

6. Cập nhật Các văn bản pháp lý liên quan đến đợt chào bán tại Bản Cáo Bạch

- Nghị quyết số 1591/2026/NQ-BOD ngày 08/09/2026 phê duyệt Phương án phát hành, Phương án triển khai chào bán và Phương án sử dụng vốn Trái phiếu phát hành ra công chúng LPBank năm 2025 Đợt 2.

7. Cập nhật tổng số lượng Trái Phiếu chào bán và tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá tại Bản Cáo Bạch

STT	Mã Trái Phiếu	Số lượng chào bán (Trái Phiếu)	Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá (VND)	Thời gian chào bán dự kiến
1	Trái Phiếu LPB7Y202504	17.852.965	1.785.296.500.000	Quý III/2026 - Quý IV/2026
2	Trái Phiếu LPB8Y202505	19.982.150	1.998.215.000.000	
3	Trái Phiếu LPB10Y202506	1.999.000	199.900.000.000	
Tổng cộng		39.834.115	3.983.411.500.000	

8. Cập nhật Lãi Suất Trái Phiếu tại Bản Cáo Bạch

a) **Lãi Suất Trái Phiếu Đợt 1:** lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

- **Trái Phiếu LPB7Y202501:** Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,5%/năm (hai phẩy năm phần trăm một năm).
- **Trái Phiếu LPB8Y202502:** Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,7%/năm (hai phẩy bảy phần trăm một năm).
- **Trái Phiếu LPB10Y202503:** Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,9%/năm (hai phẩy chín phần trăm một năm).

b) **Lãi Suất Trái Phiếu Đợt 2:** lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

- **Trái Phiếu LPB7Y202504:** Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 3,78%/năm (Ba phẩy bảy mươi tám phần trăm một năm).
- **Trái Phiếu LPB8Y202505:** Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 3,85%/năm (Ba phẩy tám mươi lăm phần trăm một năm).
- **Trái Phiếu LPB10Y202506:** Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 3,90%/năm (Ba phẩy chín mươi phần trăm một năm).

c) Vì mục đích của Điểm 9.1 a) và Điểm 9.1 b) mục này:

- (i) **"Lãi Suất Tham Chiếu"** đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử (website) chính thức của Các Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất.

- (ii) “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (gọi riêng là “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” và gọi chung là “**Các Ngân Hàng Tham Chiếu**”).
- (iii) “**Ngày Xác Định Lãi Suất**” đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.
- (iv) Lãi Suất Tham Chiếu được xác định theo nguyên tắc sau:
 - A. Trường hợp vào Ngày Xác Định Lãi Suất mà trang thông tin điện tử (website) của một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) Ngân Hàng Tham Chiếu nào không hoạt động hoặc không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả lãi cuối kỳ, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân của các mức lãi suất tham chiếu do các Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại công bố vào Ngày Xác Định Lãi Suất đó.
 - B. Trường hợp nếu tất cả Các Ngân Hàng Tham Chiếu không có hoặc không công bố lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả lãi cuối kỳ, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng của mình vào Ngày Xác Định Lãi Suất thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả lãi cuối kỳ, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) áp dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Lọc Phát Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử (website) chính thức của LPBank tại Ngày Xác Định Lãi Suất có liên quan.
- (v) Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu bằng văn bản cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi ít nhất 03 (ba) Ngày Làm Việc và gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng cách đăng tải lên website của Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi ít nhất 01 (một) Ngày Làm Việc, trừ trường hợp Kỳ Tính Lãi đầu tiên là tại ngày bắt đầu thực hiện chào bán Trái Phiếu. Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý và cam kết rằng kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành (“**Lãi Suất Trái Phiếu**”) sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về số học một cách rõ ràng.
- (vi) Để làm rõ, trong trường hợp Lãi Suất Trái Phiếu trên mỗi Trái Phiếu xác định theo quy định tại Điểm 9.1 này không phải là một số nguyên thì Lãi Suất Trái Phiếu sẽ được làm tròn đến hàng thập phân thứ 03 (ba) sau dấu phẩy.
- (vii) Trong trường hợp pháp luật có quy định áp dụng trần lãi suất đối với Trái Phiếu thì:
 - A. Nếu quy định áp dụng trần lãi suất không có hiệu lực áp dụng hoặc không bắt buộc áp dụng đối với Lãi Suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điểm 9.1 này thì Lãi Suất Trái Phiếu sẽ tiếp tục được áp dụng theo quy định tại Điểm 9.1 này.
 - B. Nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với Lãi Suất Trái Phiếu và Lãi Suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điểm 9.1 này vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025

định thì Lãi Suất Trái Phiếu sẽ là mức lãi suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật.

- C. Nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với Lãi Suất Trái Phiếu nhưng Lãi Suất Trái Phiếu được quy định tại Điểm 9.1 này không vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì Lãi Suất Trái Phiếu là mức lãi suất được xác định như tại Điểm 9.1 này.

9. Cập nhật Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ Đợt chào bán Trái Phiếu tại Bản Cáo Bạch *Phương án sử dụng vốn Đợt 2 (3.983.411.500.000 VND)*

Đơn vị: Đồng

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý III/2026 - Quý IV/2027
1	Bán buôn và bán lẻ; Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	28.910.548.092
2	Công nghiệp chế biến, chế tạo	3.431.763.386
3	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình; Sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình; Tín dụng tiêu dùng	1.769.049.661.848
4	Nông, lâm, ngư nghiệp	2.175.494.670.982
5	Vận tải kho bãi	6.524.855.692
Tổng		3.983.411.500.000

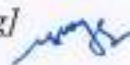
Nguồn: Nghị quyết số 1591/2026/NQ-BOD ngày 08/09/2026 phê duyệt Phương án phát hành, Phương án triển khai chào bán và Phương án sử dụng vốn Trái phiếu phát hành ra công chúng LPBank năm 2025 Đợt 2

10. Các nội dung còn lại: Giữ nguyên như Bản Cáo Bạch.

11. Bổ sung Phụ lục tại Bản Cáo Bạch

- Nghị quyết số 1591/2026/NQ-BOD ngày 08/09/2026 phê duyệt Phương án phát hành, Phương án triển khai chào bán và Phương án sử dụng vốn Trái phiếu phát hành ra công chúng LPBank năm 2025 Đợt 2.
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 33/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 24/06/2026.
- Điều lệ năm 2026 của LPBank.
- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của LPBank.

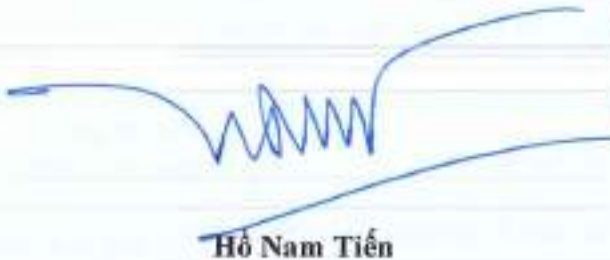
[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



V. CHỮ KÝ

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CHỦ TỊCH HĐQT



Hồ Nam Tiến

**GIÁM ĐỐC KHỐI THỊ TRƯỜNG VÀ
QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH**



Nguyễn Thị Nga

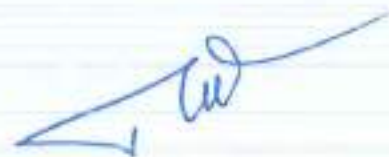


TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Quốc Khánh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Công

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Duy Khoa

